

**ĐỀ THI BÁM SÁT CẤU TRÚC
ĐỀ MINH HỌA TỐT NGHIỆP THPTQG 2025
MÔN NGỮ VĂN**

*Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề
(Đề thi gồm có 02 trang)*

CD – KN TT - CTST



ĐỀ MINH HỌA SỐ 1

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

GIÁ TRỊ HIỆN THỰC TRONG “TRUYỆN KIỀU” CỦA NGUYỄN DU

Nguyễn Du viết Truyện Kiều sau khi ra làm quan với nhà Nguyễn. Lúc bấy giờ ông đã ngoài bốn mươi tuổi, đã trải qua thời Lê – Trịnh, thời Tây Sơn đến thời Nguyễn. Những năm thiếu thời sống ở Thăng Long, ngót mười năm lưu lạc sống chung với nhân dân, và mấy năm làm quan dưới triều đình mới, ông đã chứng kiến những cảnh thối nát của xã hội phong kiến suy tàn thời Lê -Trịnh, đến sự vùng dậy mãnh liệt của thời Tây Sơn, v.v... Những biến cố ấy khắc sâu vào tâm trí của ông và được phản ánh vào văn chương một cách sâu sắc.

Trong Truyện Kiều, mới thoảng qua bề ngoài ta thấy chế độ phong kiến yên tĩnh, vững vàng “Rừng năm Gia Tĩnh triều Minh, Bốn phương phẳng lặng hai kinh vững vàng”. Nhưng thực chất thì mục ruỗng từ bên trong. Bọn quan lại phong kiến toàn là lũ sâu mọt, là những thế lực vô cùng hắc ám: Một tên quan xử kiện vụ Vương Ông, thẳng bán tơ vu oan cho gia đình họ Vương, nhưng quan chẳng cần điều tra, nghiên cứu gì, chỉ cốt khảo cho ra tiền: “Có ba trăm lạng việc này mới xong”, đẩy gia đình họ Vương vào cảnh tan nát, phá tan mối tình đẹp đẽ của Thúy Kiều và Kim Trọng.

Đến như “Quan Tổng đốc trọng thần” họ Hồ, đại diện cho triều đình cũng là con người bỉ ổi, mất tư cách: dụ Từ Hải hàng rồi lừa giết một cách hèn nhát, dờ dẫm ô nhục ngay với người vợ kẻ mình giết, rồi đem gán cho một tên thổ quan, để đến nỗi Kiều phải gieo mình xuống sông Tiền Đường.

- Trong lúc đó, bọn đại quý tộc như “họ Hoạn danh gia” tha hồ làm mưa làm gió. Mẹ con Hoạn bà nuôi cả một lũ côn quang để đi đốt nhà, bắt cóc người vô tội, bắt làm nô tỳ, đánh đập tàn nhẫn, thi hành theo “gia pháp” của họ, bất chấp luật pháp nhà nước. Hoạn Thư còn lập mưu bắt cóc Kiều đem về cho mẹ ngược đãi và bày ra trò gập gở éo le chua xót giữa Thúy Kiều và Thúc Sinh. Hoạn Thư “con quan Lại bộ”, tuy thông minh sắc sảo có thừa nhưng vô cùng nham hiểm độc ác: GV: *Triệu Thị Phương Thúy*

“Bề ngoài thơn thớt nói cười,
Mà trong nham hiểm giết người không dao.”

Bên cạnh cường quyền, bọn phong kiến quan liêu ấy còn có thứ quyền hung hãn hơn là đồng tiền. Cả một lũ quan lưu manh “trong tay sẵn có đồng tiền” nên chúng tha hồ hoành hành làm hại những người lương thiện. Đồng tiền mà trước đây Nguyễn Bình Khiêm đã tố cáo tác dụng phá hoại đạo đức phong kiến:

“Còn bạc còn tiền còn đệ tử, Hết cơm hết rượu hết ông tôi.”

Đến thời Nguyễn Du, đồng tiền càng tác oai tác quái hơn. Cũng vì có đồng tiền mà bọn con buôn như họ Mã mới dám “Trước thầy sau tớ lao xao”, “Ghế trên ngồi tót số sàng”, “Cò kè bớt một thêm hai”, và cả lũ Tú Bà, Bạc Hạnh mới tự do buôn bán người lại được sự che chở của pháp luật. “Nghĩ rằng cũng mạch thư hương” như Sở Khanh, vì tiền mà chịu làm “mặt mo” để thi hành độc kế của Tú Bà... Đồng tiền có thể “đổi trắng thay đen”. Nó dày xéo lên công lý, nó mua được lương tâm của con người. Nó đánh giá tài đức, phẩm cách con người như đánh giá một món hàng

bán ngoài chợ. Và Nguyễn Du đã vạch mặt tác hại của đồng tiền đối với xã hội và cuộc sống con người:

“Một ngày lạ thói sai nha,
Làm cho khốc hại chẳng qua vì tiền.”

Qua đó, ta thấy được xã hội trong Truyện Kiều là một xã hội phong kiến thối nát. Ngòi bút hiện thực sắc sảo của Nguyễn Du đã ghi chép lại những nét thật điển hình, phản ánh những bộ mặt xấu xa, tàn bạo của nhiều nhân vật: Hoạn bà, Hoạn Thư, Tú Bà, Sở Khanh... trong xã hội đó. Truyện Kiều quả thật là một “Bản cáo trạng bằng thơ lên án chế độ phong kiến xấu xa, tàn bạo”.

(Trích: *Những giá trị và hạn chế tư tưởng trong Truyện Kiều* – GS.TS.Lê Văn Quán,
Tạp chí Hán Nôm, số 4 (113),2012; tr.3-11)

Thực hiện các yêu cầu từ 1 đến 5 (trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của văn bản?

Câu 2. Văn bản trên viết về vấn đề gì?

Câu 3. Xác định hệ thống luận điểm của văn bản?

Câu 4. Qua văn bản trên, tác giả bày tỏ quan điểm gì?

Câu 5. Từ văn bản trên, anh/ chị rút ra được bài học gì về cách ứng xử với cái xấu, cái ác trong cuộc sống hiện nay

PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích ngắn gọn đặc điểm chung của ba nhân vật Lưu Bị, Quan Công, Trương Phi trong văn bản sau:

(Lược một đoạn: Đời vua Hán Linh Đế, triều chính thối nát, hoạn quan chuyên quyền, nhân dân lâm than, khắp nơi nổi loạn. Giặc Khăn Vàng nổi lên, uy hiếp triều đình. Triều đình bèn treo bảng mộ quân, nhằm chiêu mộ anh hùng để dẹp loạn).

Bấy giờ Huyền Đức (tức Lưu Bị) đọc bảng văn rồi thở dài. Bỗng thấy một người đứng sau nói lớn lên rằng:

- Đại trượng phu như ông, không ra giúp nước, đứng thờ dài đó, được việc chi?

Huyền Đức ngoảnh lại nhìn: người ấy mình cao tám thước, đầu như đầu báo, hai mắt tròn xoe, hàm én, râu hùm, tiếng vang như sấm. Huyền Đức thấy dung mạo khác thường, liền hỏi họ tên. Người ấy nói:

- Tôi họ Trương tên Phi, tự là Dực Đức, ở Trác Quận đã lâu đời. Gia tư có ít ruộng, vườn, trại và mở một ngôi hàng bán rượu, thịt chó. Tôi chỉ thích kết giao với hào kiệt trong thiên hạ. Vừa rồi thấy ông xem bảng văn rồi thở dài, nên tôi mới hỏi.

Huyền Đức nói:

- Tôi đây vốn dòng dõi nhà Hán, họ Lưu tên Bị; nay thấy giặc Khăn Vàng nổi loạn, có chí ra dẹp giặc yên dân, chỉ hiềm sức mình không nổi, nên mới thở dài.

Phi nói:

- Nhà tôi tư gia cũng khá. Ý muốn chiêu mộ hương dũng, cùng ông mưu đồ việc lớn, ông tính sao?

Huyền Đức mừng lắm. Hai người bèn rủ nhau vào hàng uống rượu.

Đương đánh chén, bỗng thấy một người cao lớn lực lưỡng, đẩy một cỗ xe đến cửa, vào hàng ngồi phịch xuống, gọi nhà hàng:

- Rượu mau lên! Để ta uống xong còn vào thành ứng mộ!

Huyền Đức nhìn xem thấy người ấy mình cao chín thước, râu dài hai thước, mặt như hai quả táo chông lên nhau, môi như tô son, mắt phượng mày tằm, oai phong凛冽. Huyền Đức bèn mời cùng ngồi và hỏi họ tên. Người ấy nói:

- Tôi họ Quan tên Vũ, tự là Trương Sinh, sau đổi là Vân Trường, người làng Giải Lương, tỉnh Hà Đông. Nhân thấy có đũa thỏ hào ý thế ức hiếp người, tôi bèn giết chết rồi đi trốn tránh đã năm, sáu năm rồi. Nay nghe ở đây có lệnh chiêu binh phá giặc, nên tôi đến ứng mộ.

Huyền Đức cũng đem chí mình ra nói. Vân Trường rất mừng. Bèn cùng đến trại của Trương Phi bàn tính việc lớn. Phi nói:

- Sau trại tôi có một vườn đào đang nở hoa đẹp lắm. Ngày mai nên làm lễ tế trời đất ở trong vườn, ba chúng ta kết làm anh em, đồng lòng hợp sức, sau mới có thể tính được việc lớn.

Huyền Đức, Vân Trường đều nói: – Như thế tốt lắm!

Ngày hôm sau sửa soạn trâu đen, ngựa trắng và các lễ vật ở trong vườn đào, ba người đốt hương, lạy hai lạy, thề rằng:

- Chúng tôi là Lưu Bị, Quan Vũ, Trương Phi, dầu rằng khác họ, song đã kết làm anh em thì phải cùng lòng hợp sức, cứu khốn phò nguy, trên báo đền nợ nước, dưới yên định nạn dân. Chúng tôi không cần sinh cùng ngày, cùng tháng, cùng năm, chỉ muốn chết cùng năm, cùng tháng, cùng ngày. Hoàng thiên hậu thổ, soi xét lòng này. Nếu ai bội nghĩa quên ơn thì trời người cùng giết. Thề xong, tôn Huyền Đức làm anh cả, Quan Vũ thứ hai, Trương Phi em út. Mổ trâu đặt tiệc, tụ họp đông sĩ trong làng được ba trăm người, cùng đến vườn đào uống một bữa rượu thật say.

(Trích: Hồi thứ nhất, *Tam quốc diễn nghĩa*, La Quán Trung, Phan Kế Bính dịch, Bùi Kỳ hiệu đính, NXB Văn học, Hà Nội, 2016, tr.99 – 101)

Câu 2. (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày ý kiến của anh/chị về việc sống có kỉ luật.

----- HẾT -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Giám thị không giải thích gì thêm.
- GV: Triệu Thị Phương Thúy

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 1

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận. Hướng dẫn chấm: - Trả lời như đáp án: 0,5 điểm - Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm.	0,5
	2	Văn bản viết về vấn đề: Giá trị hiện thực trong “Truyện Kiều” của Nguyễn Du. Hướng dẫn chấm: - Trả lời như đáp án hoặc dẫn câu văn khác đúng yêu cầu (lời của người kể chuyện và lời của nhân vật): 0,5 điểm - Trả lời đúng 1 ý: 0,25 điểm - Trả lời không đúng hoặc không trả lời: 0,0 điểm	0,5
	3	Văn bản có 2 luận điểm: – Luận điểm 1: Bối cảnh hiện thực thời Nguyễn Du sống. – Luận điểm 2: Sự tác động của bối cảnh hiện thực đối với “Truyện Kiều”. Hướng dẫn chấm: - Trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời được 1 ý tương đương như đáp án: 0,5 điểm - Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm	1,0
	4	Quan điểm: – Đánh giá cao giá trị hiện thực trong “Truyện Kiều” của Nguyễn Du; – Phê phán chế độ phong kiến thời kì suy tàn. Hướng dẫn chấm:	1,0

		<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời tương đương như đáp án được 1/2 số ý: 0,5 - 0,75 điểm - Trả lời tương đương như đáp án được 1/3 số ý: 0,25 - 0,5 điểm - Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm. 	
	5	<p>Rút ra bài học về cách ứng xử với cái xấu, cái ác trong cuộc sống hiện nay:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không hòa theo, không tiếp tay cho cái xấu, cái ác; - Cần mạnh mẽ lên tiếng và có những hành động để ngăn chặn, loại bỏ cái xấu, cái ác; - Cần kêu gọi mọi người cùng chung tay để đấu tranh chống lại cái xấu, cái ác. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời tương đương như đáp án 2 ý: 0,75 điểm - Trả lời tương đương như đáp án 1 ý: 0,5 điểm - Trả lời không đúng hoặc không trả lời: 0,0 điểm. <p>(Lưu ý: HS có thể có cách diễn đạt khác, miễn là lí giải hợp lí, thuyết phục thì vẫn cho điểm)</p>	1,0
II		VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích ngắn gọn đặc điểm chung của ba nhân vật Lưu Bị, Quan Công, Trương Phi trong văn bản.	2,0
		a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Phân tích ngắn gọn đặc điểm chung của ba nhân vật Lưu Bị, Quan Công, Trương Phi trong văn bản.	0,25
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận - Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: – Đều là những con người có vóc dáng cao lớn, tướng mạo phi thường; – Đều là những con người có sức khỏe và tài năng hơn người; – Đều là những con người có chí lớn, có nghĩa khí, trung quân ái quốc. - Sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn	0,5
		d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau: - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận: - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. - Trình bày rõ quan điểm hệ thống các ý - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	0,5
		đ. Diễn đạt Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn	0,25
		e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
	2	Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày ý kiến của anh/ chị về việc sống có kỉ luật.	4,0
		a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:	0,5
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết - Xác định được các ý chính của bài viết	1,0

	<p>- Sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: * Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề. * Triển khai vấn đề nghị luận: 1. Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm cá nhân về vấn đề: – Sống có kỉ luật là yếu tố quan trọng dẫn đến thành công. – Đây là một lối sống tích cực, cần được phát huy. 2. Triển khai vấn đề nghị luận: 2.1. Giải thích: Sống có kỉ luật là lối sống điều độ, tuân thủ một cách nghiêm túc về thời gian biểu, các kế hoạch mà bản thân đã đề ra. 2.2. Lợi ích của lối sống có kỉ luật: – Giúp bản thân vượt lên trên tính lười biếng, vô tổ chức, do đó, khiến ta cảm thấy ngày một tự tin và mạnh mẽ hơn; – Giúp hoàn thành đúng thời hạn các mục tiêu mà bản thân đã đặt ra; – Tạo được sự tin tưởng, tôn trọng từ người khác, tự đó tạo dựng được các mối quan hệ tốt đẹp; – Tạo nên một bản lĩnh vững vàng, một sức mạnh tinh thần to lớn để dám đối mặt và vượt qua mọi thử thách trong cuộc sống; – Giúp ta không lãng phí thời gian, do đó không phải hối tiếc về sau;... 2.3. Giải pháp xây dựng lối sống kỉ luật: – Nhận thức được những lợi ích to lớn mà lối sống kỉ luật có thể đem lại; – Lập cho mình một thời gian biểu hợp lí và cố gắng tuân thủ một cách nghiêm túc; – Công khai thời gian biểu với gia đình và bạn bè để mọi người có thể kiểm tra, cũng là cách để tự tạo áp lực, giúp bản thân không vì lười biếng mà bỏ giữa chừng; – Kết giao với những con người sống có kỉ luật; tránh xa những con người sống vô kỉ luật;... 3. Rút ra bài học cho bản thân: – Hình thành cho mình lối sống có kỉ luật; – Tránh xa lối sống vô kỉ luật.</p>	
	<p><i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng. Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	
	<p><i>đ. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.</p>	0,25
	<p><i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	
Tổng điểm		10,0

BỘ ĐỀ ÔN LUYỆN NGỮ VĂN KHỐI 11

**ĐỀ THI BẢM SÁT CẤU TRÚC
ĐỀ MINH HỌA TỐT NGHIỆP THPTQG 2025
MÔN NGỮ VĂN**

*Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề
(Đề thi gồm có 02 trang)*

CD – KNTT - CTST



I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

NHỮNG ĐỨA CON TRONG GIA ĐÌNH (NGUYỄN THI)

“Việt tỉnh dậy lần thứ tư, trong đầu còn thoáng qua hình ảnh của người mẹ. Đêm nữa lại đến. Đêm sâu thăm thẳm, bắt đầu từ tiếng đế gáy u u cao vút mãi lên. Người Việt như đang tan ra nhè nhẹ. Ước gì bây giờ lại được gặp má. Phải, ví như lúc má đang bơi xuống, má sẽ ghé lại, xoa đầu Việt, đánh thức Việt dậy, rồi lấy xoong cơm đi làm đồng để ở dưới xuống lên cho Việt ăn... Nhưng mấy giọt mưa lất phất trên cổ làm Việt choàng tỉnh hẳn. Một sự vắng lặng như từ trên trời lao xuống chạy từ cổ Việt, lan dài cho tới ngón chân. Việt có một mình ở đây thôi ư? Câu hỏi bật ra trong đầu Việt rồi dội lại trong từng chân lông kẻ tóc. Cái cảm giác một mình bật lên một cách rõ ràng nhất, mênh mênh nhất, trong đêm thứ hai này, khi Việt cảm thấy không còn bò đi được nữa, khi những hình ảnh thân yêu thường kéo đến rất nhanh rồi cũng vụt tan biến đi rất nhanh chỉ vì một cành cây gãy, một giọt mưa rơi trên mặt, hoặc một tiếng động nhỏ của ban đêm. Việt muốn chạy thật nhanh, thoát khỏi sự vắng lặng này, về với ánh sáng ban ngày, gặp lại anh Tánh, níu chặt lấy các anh mà khóc như thằng Út em vẫn níu chân chị Chiến, nhưng chân tay không nhấc lên được. Bóng đêm vắng lặng và lạnh lẽo bao tròn lấy Việt, kéo theo đến cả con ma cụt đầu vẫn ngồi trên cây xoài mồ côi và thằng chông thụt lưỡi hay nhảy nhót trong những đêm mưa ngoài vòm sông”, cái mà Việt vẫn nghe các chị nói hồi ở nhà, Việt nằm thờ đốc...

Một loạt đạn súng lớn vắng vắng dội đến ầm ĩ trên ngọn cây. Rồi loạt thứ hai... Việt ngóc dậy. Rõ ràng không phải tiếng pháo lệnh lảnh lảnh của giặc. Đó là những tiếng nổ quen thuộc, gom vào một chỗ, lớn nhỏ không đều, chen vào đó là những dây súng nổ vô hồi vô tận. Súng lớn và súng nhỏ quỵện vào nhau như tiếng môi và tiếng trống đình đánh dậy trời dậy đất hồi Đồng khởi. Đúng súng của ta rồi! Việt muốn reo lên. Anh Tánh chắc ở đó, đơn vị mình ở đó. Chà, nổ dữ, phải chuẩn bị lựu đạn xung phong thôi! Đó, lại tiếng hụp hùm... chắc là một xe bọc thép vừa bị ta bắn cháy. Tiếng súng nghe thân thiết và vui lạ. Những khuôn mặt anh em mình lại hiện ra... Cái cảm nhọn hoắt ra của anh Tánh, nụ cười và cái nheo mắt của anh Công mỗi lần anh động viên Việt tiến lên... Việt vẫn còn đây, nguyên tại vị trí này, đạn đã lên nòng, ngón cái còn lại vẫn sẵn sàng nổ súng. Các anh chờ Việt một chút. Tiếng máy bay vẫn gầm rú hỗn loạn trên cao, nhưng mặc xác chúng. Kèn xung phong của chúng ta đã nổi lên. Lựu đạn ta đang nổ rộ...

Việt đã bò đi được một đoạn, cây súng đẩy đi trước, hai cùi tay lôi người theo. Việt cũng không biết rằng mình đang bò đi nữa, chính trận đánh đang gọi Việt đến. Phía đó là sự sống. Tiếng súng đã đem lại sự sống cho đêm vắng lặng. Ở đó có các anh đang chờ Việt, đạn ta đang đổ lên đầu giặc Mĩ những đám lửa dữ dội, và những mũi lê nhọn hoắt trong đêm đang bắt đầu xung phong...

(Trích: **Những đứa con trong gia đình**, Nguyễn Thi, Truyện và Ký, NXB Văn học giải phóng, 1978)

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5 (trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Đoạn trích được kể theo ngôi thứ mấy?

Câu 2: Câu văn: “Anh Tánh chắc ở đó, đơn vị mình ở đó.” là lời của ai?

Câu 3. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong câu “Súng lớn và súng nhỏ quỵện vào nhau như tiếng môi và tiếng trống đình đánh dậy trời dậy đất hồi Đồng khởi”.

Câu 4. Tại sao Tiếng súng nghe thân thiết và vui lạ đối với nhân vật Việt?

Câu 5. Bằng việc tìm hiểu về cảm xúc của nhân vật Việt trước khó khăn, kết hợp với hiểu biết xã hội của anh/chị, hãy trả lời câu hỏi: *Bạn sẽ làm gì trước những khó khăn, thử thách?*

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) phân tích hiệu quả của việc đặt điểm nhìn vào nhân vật Việt trong đoạn trích trên.

Câu 2. (4 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bày tỏ suy nghĩ của anh/chị về nghịch cảnh trong cuộc sống hằng ngày.

----- HẾT -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Giám thị không giải thích gì thêm.
- GV: Triệu Thị Phương Thúy

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 2

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Truyện được kể theo ngôi: Ngôi thứ ba Hướng dẫn chấm: - Trả lời như đáp án: 0,5 điểm - Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm.	0,5
	2	Câu văn: “Anh Tánh chắc ở đó, đơn vị mình ở đó.” là lời của nhân vật Việt. Hướng dẫn chấm: - Trả lời như đáp án hoặc dẫn câu văn khác đúng yêu cầu (lời của người kể chuyện và lời của nhân vật): 0,5 điểm - Trả lời đúng 1 ý: 0,25 điểm - Trả lời không đúng hoặc không trả lời: 0,0 điểm	0,5
	3	- Biện pháp tu từ so sánh - Gọi lên những âm thanh quen thuộc gắn liền với nhân vật Việt khi đang bị thương ở chiến trường, đồng thời gọi tinh thần quật khởi của đồng bào miền Nam trong những ngày đánh Mỹ. Hướng dẫn chấm: - Trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời được 1 ý tương đương như đáp án: 0,5 điểm - Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm	1,0
	4	“Tiếng súng nghe thân thiết và vui lạ” đối với nhân vật Việt : Vì đây là âm thanh tiếng súng mà đồng đội bắn. Nó gọi Việt phải bước tiếp để sống để trả thù quân địch. Tiếng súng xung trận đã tiếp thêm sức mạnh cho tiếng gọi Việt quay trở lại sự sống. Hướng dẫn chấm: - Trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời tương đương như đáp án được 1/2 số ý: 0,5 - 0,75 điểm - Trả lời tương đương như đáp án được 1/3 số ý: 0,25 - 0,5 điểm - Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm.	1,0
	5	Học sinh đưa ra giải pháp, có thể hướng đến các việc làm như: Không bỏ cuộc; không nản chí; luôn cố gắng, nỗ lực vượt qua hoàn cảnh khắc nghiệt; có niềm tin vào tương lai tươi sáng... Hướng dẫn chấm: - Trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời tương đương như đáp án 2 ý: 0,75 điểm - Trả lời tương đương như đáp án 1 ý: 0,5 điểm - Trả lời không đúng hoặc không trả lời: 0,0 điểm. (Lưu ý: HS có thể có cách diễn đạt khác, miễn là lí giải hợp lí, thuyết phục thì vẫn cho điểm)	1,0
II		VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) phân tích hiệu quả của việc đặt điểm nhìn vào nhân vật Việt trong đoạn trích trên.	2,0

		<p>a. <i>Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn</i> Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.</p>	0,25
		<p>b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Phân tích ngắn gọn đặc điểm chung của ba nhân vật Lưu Bị, Quan Công, Trương Phi trong văn bản.</p>	0,25
		<p>c. <i>Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận</i> - Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: Hiệu quả của việc đặt điểm nhìn vào nhân vật Việt trong đoạn trích trên: + Câu chuyện trở nên tự nhiên, chân thực, sinh động, Từ đó gây ấn tượng, hấp dẫn với bạn đọc; quá khứ - hiện tại đan kết, lồng ghép. + Tác giả đi sâu vào thế giới nội tâm của nhân vật Việt và trần thuật bằng dòng ý thức đứt nối của anh. Từ đó, dòng hồi tưởng, liên tưởng của Việt mở rộng dần đối tượng, làm hiện lên vừa cụ thể, vừa sinh động những gương mặt tiêu biểu của một gia đình, đồng đội... + Chính dòng hồi tưởng đó cho thấy: ++ Sức sống của truyền thống trong nhân vật Việt. ++ Tình cảm dạt dào, tha thiết của Việt dành cho gia đình. ++ Bên cạnh một cuộc chiến khốc liệt, dữ dội là một chiều sâu gia đình đậm đà, tự nhiên nhưng ấn tượng.</p>	0,5
		<p>d. <i>Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận: - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. - Trình bày rõ quan điểm hệ thống các ý - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.</p>	0,5
		<p>đ. <i>Diễn đạt</i> <i>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn</i></p>	0,25
		<p>e. <i>Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,25
	2	<p>Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày ý kiến của anh/ chị về việc sống có kỉ luật.</p>	4,0
		<p>a. <i>Xác định được yêu cầu của kiểu bài</i> Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội</p>	0,25
		<p>b. <i>Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i></p>	0,5
		<p>c. <i>Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết</i> - Xác định được các ý chính của bài viết - Sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: * Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề. * Triển khai vấn đề nghị luận: + Giải thích khái niệm: Nghịch cảnh là hoàn cảnh không thuận lợi, không bình thường mà chứa đựng những éo le, ngang trái, khó khăn trong một lĩnh vực nào đó của cuộc sống con người. + Thể hiện quan điểm của người viết có thể triển khai ý theo gợi ý sau: cuộc sống đói nghèo, thiên tai, chiến tranh, những tai họa bất ngờ... - Sự chi phối của nghịch cảnh tới cuộc sống mỗi người: nghịch cảnh là điều hầu như không tránh khỏi trong cuộc sống, tùy theo thái độ của mỗi người mà nghịch cảnh có tác động tích cực hoặc tiêu cực tới cuộc sống của họ. ++ Nghịch cảnh có thể trở thành áp lực và động lực tôi luyện ý chí kiên cường của con người, giúp họ có sức mạnh, quyết tâm để có thể chiến thắng, đứng vững và phát triển cao hơn – và mỗi lần chiến thắng con</p>	1,0

	<p>người có thêm sức mạnh, trải nghiệm, có được sự tin tưởng và coi trọng từ những người xung quanh...</p> <p>++ Với những người ngại gian khổ, ý chí bạc nhược, yếu đuối, thiếu tự tin và tự trọng thì nghịch cảnh sẽ là bức tường ngăn họ với tới chiến thắng, họ sẽ chấp nhận thất bại và đầu hàng số phận, đổ lỗi cho hoàn cảnh thay vì đương đầu để vượt qua và chiến thắng nó.</p> <p>- Mở rộng, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện vấn đề làm thế nào để chiến thắng nghịch cảnh:</p> <p>++ Chấp nhận đương đầu và vượt qua nó.</p> <p>++ Phát huy cao nhất sức mạnh nội lực của chính bản thân mình, không thụ động, ý lại hay cầu cứu sự giúp đỡ từ bên ngoài, sáng suốt bản lĩnh để chấp nhận đương đầu với khó khăn.</p> <p>++ Phát huy cao nhất sức mạnh nội lực của chính bản thân mình, không thụ động ý lại hay cầu cứu sự giúp đỡ từ bên ngoài, sáng suốt, bản lĩnh để chấp nhận đương đầu với khó khăn.</p> <p>++ Không nên cao ngạo khước từ sự giúp đỡ chân thành của người thân và bạn bè trên con đường vượt qua khó khăn của nghịch cảnh.</p> <p>++ Không mãn nguyện dừng lại sau mỗi lần chiến thắng, luôn nhớ: khó khăn, nghịch cảnh vẫn thường đồng hành với cuộc sống con người.</p> <p>* Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân</p>	
	<p><i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Triển khai được ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng. <p>Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	
	<p><i>d. Diễn đạt</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.</p>	0,25
	<p><i>e. Sáng tạo</i></p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	
Tổng điểm		10,0

BỘ ĐỀ ÔN LUYỆN NGỮ VĂN KHỐI 11

ĐỀ THI BÁM SÁT CẤU TRÚC ĐỀ MINH HỌA TỐT NGHIỆP THPTQG 2025 MÔN NGỮ VĂN

*Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề
(Đề thi gồm có 02 trang)*

CD – KNTT - CTST



KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

ĐỀ MINH HỌA SỐ 3

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

LÊN HÀ GIANG DỰ PHIÊN CHỢ NỔI TIẾNG - CHỢ TÌNH KHÂU VAI

Có một phiên chợ mà việc bán mua chẳng quan trọng, nhưng lại là nơi bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc ở Hà Giang. Đó là chợ tình Khâu Vai, hay còn gọi là chợ Phong Lưu, tồn tại hơn 100 năm qua, diễn ra ngày 27/3 âm lịch hằng năm.

Từ “Khau Vai” trong tiếng Tày - Nùng nghĩa là “đèo gai”. Nhưng nhiều tư liệu dùng chệch thành “Khâu Vai”. Khách đi du lịch Hà Giang còn gọi đùa đây là chợ Phong Tình.

Nguồn gốc của chợ phiên này bắt đầu từ truyền thuyết về chàng Ba người dân tộc Nùng và nàng Út người dân tộc Giáy. Họ yêu nhau say đắm nhưng do không cùng dân tộc, không cùng tổ tiên hay phong tục tập quán. Hơn nữa chàng lại là con nhà nghèo còn nàng là con gái tộc trưởng người Giáy. Bởi vậy mối tình của 2 người bị ngăn cấm.

[...] Đến khi già, ngày cuối đời họ lại đến đây (núi Khâu Vai), ôm chặt lấy nhau, cùng đi vào cõi vĩnh hằng. Ngày họ ra đi cũng là 27/3. Dân làng thương tiếc về mối lương duyên trắc trở này nên đã dựng lên 2 miếu thờ Ông, thờ Bà và lấy ngày này làm ngày họp chợ cho các đôi trai gái lỡ duyên. - GV: Triệu Thị Phương Thúy

Cũng từ đây chợ tình Khâu Vai hay còn gọi là “chợ Phong lưu” được diễn ra vào ngày 27/3 âm lịch hàng năm. Trước đây người đến chợ không nhiều, chủ yếu là những người có mối tình trắc trở, họ yêu nhau nhưng không lấy được nhau vì những ràng buộc của lễ giáo phong kiến, những tập tục lạc hậu. Bởi vậy ngày này là để họ có thể tâm sự hàn huyên sau một hoặc nhiều năm xa cách, thông báo tình hình hiện tại của nhau. Có thể hai vợ chồng cùng đến chợ, khi đến chợ chồng đi gặp người yêu cũ của chồng, vợ đi tìm người tình cũ của vợ, không có sự ghen tuông. Họ tôn trọng nhau, tôn trọng quá khứ của nhau, coi đây là trách nhiệm đối với đời sống tinh thần của nhau. Hết phiên chợ, họ lại quay về cuộc sống thường ngày, hẹn đến chợ năm sau lại tới. Đây chính là nét đẹp văn hóa mộc mạc, giản dị của chợ tình Khâu Vai.

Trước đây chợ tình Khâu Vai là chợ của những mối tình trắc trở. Từ năm 1991 trở lại đây đến chợ có nhiều thanh niên nam, nữ các dân tộc trong vùng đến chợ để vui xuân và cũng để tìm bạn tình, nhiều đôi đã nên vợ nên chồng trong dịp đi chợ tình Khâu Vai. Cũng do bản sắc ca ngợi tình yêu lứa đôi trong sáng này mà chợ tình Khâu Vai giờ được tổ chức như một lễ hội, một sản phẩm du lịch cho du khách đến tham quan tìm hiểu văn hóa. Mà mỗi lễ hội đều sẽ có phần lễ và phần hội.

Cứ vào ngày 27/3 âm lịch hàng năm, những chàng trai cô gái dân tộc nơi đây khoác trên mình những bộ trang phục đẹp nhất để cùng đến với chợ Phong lưu Khâu Vai.

Phần lễ của chợ tình, người dân Khâu Vai sẽ dâng lễ lên miếu Ông, miếu Bà như để nhớ về nguồn cội, những người khai đất khai hoang ra bản làng Khâu Vai và để tôn vinh tình yêu lứa đôi. Già làng làm chủ lễ sẽ dâng hương xin phép bắt đầu lễ hội.

Đến phần hội, du khách được chìm đắm trong không khí tưng bừng náo nhiệt của lễ hội, ngây ngất trước khung cảnh núi non hùng vĩ, rạo rức trong tiếng đàn môi tâm tình gọi bạn du dương, trầm bổng với tiếng khèn Mông, lời hát đối đáp tỏ tình của các chàng trai, cô gái Mông, Nùng, Giáy... Ngoài ra còn có những gian hàng trưng bày sản phẩm thủ công mỹ nghệ, đặc sản Hà Giang để du khách có thể mua về làm quà sau chuyến đi.

[...]

Chợ Phong lưu Khâu Vai không chỉ là nơi bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống, giá trị nhân văn cao đẹp mà còn là nơi ca ngợi mối tình trong sáng, tạo sức lan tỏa trong cộng đồng về những giá trị tốt đẹp, góp phần xây dựng và phát triển chuẩn mực đạo đức xã hội, gia đình, tình yêu lứa đôi. Đây cũng là nơi giao lưu, gặp gỡ để bảo tồn những nét đẹp văn hóa dân gian đặc sắc riêng có của đồng bào các dân tộc thiểu số và quảng bá thu hút du khách đến với Công viên Địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn.

(Theo **Phương Linh**, <https://dangcongsan.vn/van-hoa-vung-sau-vung-xa-bien-gioi-hai-dao-vung-dan-toc-thieu-so/tu-truyen-thong-toi-hien-dai/len-ha-giang-du-phiên-cho-noi-tieng-cho-tinh-khau-vai-635230.html>)

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5 (trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

Câu 2. Nêu nội dung chính của văn bản.

Câu 3. Chỉ ra tác dụng của biện pháp nghệ thuật liệt kê trong câu văn: Đến phần hội, du khách được chìm đắm trong không khí tưng bừng náo nhiệt của lễ hội, ngây ngất trước khung cảnh núi non hùng vĩ, rạo rức trong tiếng đàn môi tâm tình gọi bạn du dương, trầm bổng với tiếng khèn Mông, lời hát đối đáp tỏ tình của các chàng trai, cô gái Mông, Nùng, Giáy....

Câu 4. Nhận xét về tình cảm, thái độ của tác giả thể hiện trong văn bản.

Câu 5. Qua văn bản, hãy nêu một ước mơ của cộng đồng các dân tộc sinh sống trên vùng cao nguyên đá mà anh/chị thấy có ý nghĩa nhất đối với cuộc sống hiện đại hôm nay và giải thích lí do.

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ tâm trạng của chủ thể trữ tình trong bài thơ sau:

Tự tình I

Tiếng gà vắng vắng gáy trên bom,
Oán hận trông ra khắp mọi chòm.
Mỡ thấm không khua mà cũng cứng,
Chuông sầu chẳng đánh có sao om.
Trước nghe những tiếng thêm rầu rĩ,
Sau giận vì duyên để mồm mòm.
Tài tử văn nhân ai đó tá?
Thân này đâu đã chịu già tom!

(Thơ Nôm Hồ Xuân Hương, NXB Văn học, 2008)

Câu 2. (4,0 điểm)

Tuổi trẻ thường có những đam mê; theo đuổi hay không là lựa chọn của của mỗi người.

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bày tỏ ý kiến của anh/chị về đam mê của tuổi trẻ.

----- HẾT -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Giám thị không giải thích gì thêm.
- GV: Triệu Thị Phương Thúy

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 3

Phần	Câu	NỘI DUNG	Điểm
Phần		ĐỌC HIỂU	4,0
I	1	Phương thức biểu đạt chính: Phương thức thuyết minh hoặc thuyết minh Hướng dẫn chấm: - HS trả lời như đáp án: 0,5 điểm - HS trả lời 2 phương thức, trong đó có 1 phương thức đúng: 0,25 điểm. - HS trả lời 3 phương thức trở lên, trong đó có 1 phương thức đúng: 0 điểm. - HS trả lời không đúng đáp án: 0 điểm	0,5
	2	Nội dung chính của văn bản: Giới thiệu (thuyết minh) về chợ tình Khâu Vai của đồng bào dân tộc ở tỉnh Hà Giang. Hướng dẫn chấm: - HS trả lời như đáp án: 0,5 điểm - HS trả lời không đầy đủ: 0,25 điểm - HS trả lời không đúng đáp án: 0 điểm	0,5
	3	- Biện pháp liệt kê: du khách được chìm đắm trong không ..., ngây ngất trước khung cảnh ..., rạo rức trong tiếng đàn môi ..., Hoặc: lời hát đối đáp tỏ tình của các chàng trai, cô gái Mông, Nùng, Giáy... - Hiệu quả: Biện pháp liệt kê tăng tính sinh động, biểu cảm, hấp dẫn cho câu văn; nhấn mạnh, làm nổi bật tâm trạng vui mừng, phấn khởi của du khách khi tham gia lễ hội Khâu Vai. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 1,0 điểm. - HS nêu được 2 ý về hiệu quả, không nêu biểu hiện của liệt kê: 0,75 điểm. - HS nêu được 1 ý về hiệu quả, không nêu biểu hiện của phép liệt kê: 0,5 điểm. - HS nêu biểu hiện của phép liệt kê, không nêu được hiệu quả của phép liệt kê: 0,25 điểm. - HS trả lời không đúng đáp án: 0 điểm	1,0

	4	<p>- Tình cảm, thái độ: Yêu thích; tự hào về sự độc đáo của một lễ hội văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc tỉnh Hà Giang...</p> <p>- Nhận xét: Đây là tình cảm chân thành, sâu sắc, cao đẹp; từ đó, đánh thức trách nhiệm và hành động của mỗi người trong việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- HS trả lời như đáp án: 1.0 điểm</p> <p>- HS trả lời được 1 ý: 0,5 điểm</p> <p>- HS trả lời không đúng đáp án hoặc không trả lời: 0 điểm</p>	1.0
	5	<p>- Nêu được một ước mơ của cộng đồng các dân tộc sinh sống trên vùng cao nguyên đá mà HS thấy có ý nghĩa nhất đối với cuộc sống hôm nay.</p> <p>- Gợi ý: Được trao gửi yêu thương; được đồng cảm, chia sẻ hoặc giữ gìn, phát huy, quảng bá bản sắc văn hóa dân tộc...</p> <p>- Lí giải một cách hợp lí và thuyết phục.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- HS trả lời như đáp án: 1.0 điểm</p>	1.0
II		PHẦN VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ tâm trạng của chủ thể trữ tình trong bài thơ Tự tình I – Hồ Xuân Hương.	2,0
		a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn	0,25
		- Dung lượng đoạn văn: khoảng 200 chữ	
		- Hình thức: thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo một trong các cách sau: diễn dịch, quy nạp, tổng – phân - hợp, song hành hoặc móc xích.	
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: tâm trạng của chủ thể trữ tình trong bài Tự tình I của Hồ Xuân Hương.	0,25
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận.	0,5
		Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý:	
		- Giới thiệu khái quát về tác giả Hồ Xuân Hương và bài thơ Tự tình I.	
		- Tâm trạng của chủ thể trữ tình:	
		+ Cô đơn, lẻ loi, buồn sâu trước không gian tĩnh mịch, vắng vẻ.	
		+ Oán hận, u uất vì chuyện tình duyên lỡ làng, không trọn vẹn.	
		+ Thách thức trước bi kịch cuộc đời, niềm khát khao hạnh phúc lứa đôi...	
		- Ý nghĩa của tâm trạng chủ thể trữ tình: gián tiếp lên án xã hội phong kiến nhiều bất công, chà đạp lên số phận của người phụ nữ; đồng thời bộc lộ niềm khao khát tình yêu, hạnh phúc lứa đôi -> Giá trị nhân đạo sâu sắc của tác phẩm.	
		d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:	0,5
		- Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: Tâm trạng của chủ thể trữ tình trong bài thơ Tự tình I.	
		- Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý.	
		- Lập luận chặt chẽ, thuyết phục; lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng.	
		đ. Diễn đạt:	0,25
		Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	
		e. Sáng tạo:	0,25
		Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	
	2	Tuổi trẻ thường có những đam mê; theo đuổi hay không là lựa chọn của của mỗi người. Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bày tỏ ý kiến của anh/chị về đam mê của tuổi trẻ.	4,0
		a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài	0,25
		Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội (về một tư tưởng đạo lí)	
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: về đam mê đối với tuổi trẻ.	0,5
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề cần nghị luận.	1,0
		- Xác định được ý chính của bài viết.	

	<p>- Xác định các ý theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: * Giới thiệu được vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm cá nhân về vấn đề. * Triển khai vấn đề cần nghị luận: - Giải thích: “Đam mê” là niềm khát khao, yêu thích cháy bỏng theo đuổi một lĩnh vực nào đó cho đến cùng. - Thể hiện quan điểm của người viết, có thể theo một số gợi ý sau: + Trong cuộc sống thường ngày đam mê cũng xuất hiện ở nhiều khía cạnh khác nhau, trong học tập, thể thao, trong công việc ,... dưới nhiều hình thức khác nhau. + Mỗi người đều có một niềm đam mê khác biệt, đó chính là thứ để khẳng định bản thân, tự làm mới, tự tạo dấu ấn cá nhân trong xã hội hiện đại này. + Có đam mê khiến chúng ta có động lực sống, có niềm cảm hứng thúc đẩy chúng ta đứng lên thực hiện ước mơ, lý tưởng một cách đầy nhiệt huyết và có trách nhiệm, vượt qua mọi khó khăn gian khổ. + Có đam mê khiến con người trở nên tốt hơn, dũng cảm hơn trong cuộc sống, trở thành ý nghĩa sống mà mỗi chúng ta theo đuổi trong cuộc đời. + Có đam mê là tốt, có niềm đam mê khác biệt và kiên trì theo đuổi nó lại còn tuyệt vời hơn cả. + Cần phải thật tỉnh táo, phải biết đâu là niềm đam mê chân chính, đâu là thói hư tật xấu, là tệ nạn xã hội không nên sa đà vào nó. - Lấy được dẫn chứng và phân tích dẫn chứng. - Mở rộng, bày tỏ quan điểm trái chiều, hoặc ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện hơn. * Khẳng định lại quan điểm cá nhân và rút ra bài học cho bản thân.</p>	
	<p><i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm của cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	1,5
	<p><i>đ. Diễn đạt:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.</p>	0,25
	<p><i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,5
	TỔNG ĐIỂM: I + II = 10,0	10,0

ĐỀ THI BÁT SÁT CẤU TRÚC
ĐỀ MINH HỌA TỐT NGHIỆP THPTQG 2025
MÔN NGỮ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề
(Đề thi gồm có 02 trang)

CD – KN TT - CTST



ĐỀ MINH HỌA SỐ 4

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

[...] Ở cái xóm nhỏ ven thành phố này, người ta nhắc tới anh Hết còn nhiều hơn chủ tịch tỉnh đi họp. Đứa nào hồn hào, lười biếng, má nó biểu: "Lại coi thằng Hết kia! Ba mươi mấy tuổi đầu rồi, ngày đi làm thuê, làm mướn, không có chuyện gì nó chê, chiều về lụi hụi chui vô bếp nấu cơm, giặt giũ cho cha già, hiếu thảo thấy mà thương".

[...] Tía anh Hết năm nay 72 tuổi. Tuổi này, người ta hay đau yếu nhưng ông vẫn còn sỏi lắm. Ông già khó tính, thêm tật lãng tai. Người ta mời ông ngồi, ông cười, xua tay: "Ăn rồi. Ăn cơm với thằng Hết rồi". Chừng năm năm trước, ông còn vô bếp nấu cơm, mắt mũi tèm nhèm để lửa tấp vô vách lá, nhà cháy rụi. Anh Hết cất lại nhà trên nền cũ đầy tro, nhìn xa nhà lớn hơn miếu ông Tà một chút [...].

Bữa nào anh Hết cũng chống mông thổi lửa, rồi dọn cơm sẵn, ngồi dựa cửa trước chờ tía anh về. Có bữa chờ tới mõi mõi, để bụng đói ngồi ngủ gà gật. Người ở xóm biểu cứ ăn trước đi chớ chờ gì, anh cười, mâm cơm có ấm cúng, tía tôi mới vui miệng, ăn nhiều. Nhưng có bữa, anh mới vừa giờ cửa chui vô nhà, ông già đã ngồi nhai cơm cháy, bị nghẹn, mắt ầng ậng nước. Anh thương tía quá chừng vội vàng chạy đi vo gạo.

Anh Hết mồ côi má từ mới lọt lòng [...]. Tía anh không đi bước nữa, ngày ngày cột sợi dây võng dài từ nhà trên xuống bếp, vừa đưa vừa nấu nước cháo, hát vọng lên, " Chớ ầu ơ... Cây khô đâu dễ mọc chồi...". Chừng này tuổi rồi, mỗi khi anh đặt lưng xuống bộ vạc, lại nhớ ngơ nhớ ngẩn lời hát của tía anh ngày xưa. Buồn lắm, nghe đứt ruột lắm. Càng nhớ anh càng thương ông. Câu được vài ba con cá rô, anh bắc cái ơ lên kho quẹt, tỉ mẩn lọc phần thịt dành cho tía, phần xương xẩu phần mình. Những trưa nắng tốt, tranh thủ giờ cơm trưa anh xin phép chạy về, dắt tía anh ra ngoài hè tắm rửa, kỳ cọ. Những tối trời mưa, anh lúp xúp cầm cái nón mê đi đón ông già. Đi cạnh, che đầu cho ba, nghiêm trang như đang chờ che cho sinh linh nào đó nhỏ bé lắm, yếu ớt lắm.

Nhưng ông già đâu có yếu, ông xách gậy rượt đánh anh hoài đó chớ. Tía đầu bạc rượt thằng con đầu xanh chạy cà tưng đuổi nhau lòng vòng quanh mấy cây me già ngoài mé lộ. Đám trẻ xúm lại, vỗ tay như coi hát bội. Hỏi anh Hết sao không chịu chạy nhanh để bị dính đòn, anh bảo, chạy thì được, nhưng càng nhanh thì tía anh càng mệt, chịu có mấy roi nhẹ hều, nhằm gì.

Ai nghe nói cũng thương. Đúng là tên sao thì người vậy, chịu thương chịu khó hết mình, hiếu thảo hết mình [...]

(Trích **Hiu hiu gió bắc**, Nguyễn Ngọc Tư, Fanpage Nguyễn Ngọc Tư đăng ngày 13/08/2015)

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5 (trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Xác định ngôi kể của người kể chuyện.

Câu 2. Liệt kê một số chi tiết miêu tả ngoại hình nhân vật cha anh Hết.

Câu 3. Nêu chủ đề của văn bản.

Câu 4. Nhận xét một phẩm chất nổi bật của nhân vật anh Hết được thể hiện trong văn bản.

		<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời như Đáp án: 1,0 điểm - Học sinh nêu được phẩm chất mà không nhận xét: 0,25 điểm. - Học sinh nhận xét mà không chỉ ra được phẩm chất nổi bật của nhân vật: 0,75 điểm 	
	5	<p>HS nêu một thông điệp có ý nghĩa nhất với cuộc sống hôm nay:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hãy yêu thương, quan tâm, chăm sóc cha mẹ + Sống có trách nhiệm với gia đình. <p>...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lí giải một cách hợp lí và thuyết phục... + Thể hiện lòng biết ơn với công lao sinh thành, dưỡng dục của cha mẹ vừa khẳng định lòng hiếu thảo, sự trưởng thành, biết suy nghĩ, biết sống đúng đắn. <p>...</p> <p>Hướng dẫn chấm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh rút ra được thông điệp: 0,25 điểm. - Học sinh lí giải thuyết phục: 0,75 điểm. - Học sinh có thể rút ra thông điệp khác so với đáp án nhưng phù hợp với nội dung văn bản thì giám khảo vẫn cho điểm. 	
II		LÂM VĂN	
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ cảm xúc của chủ thể trữ tình trong văn bản “Nhớ” của Nguyễn Đình Thi	2.0
		<p>a) Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn Xác định đúng yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn (khoảng 200 chữ).</p> <p>Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành.</p>	0,25
		<p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: cảm xúc của chủ thể trữ tình trong văn bản “Nhớ” của Nguyễn Đình Thi</p>	0,25
		<p>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận. * Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề cần nghị luận. Sau đây là một số gợi ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nỗi nhớ của một người chiến sĩ đang làm nhiệm vụ. + Ở những khoảnh khắc yên tĩnh “giữa đèo mây” hoặc đang hành quân rồi dừng chân “dưới hàng cây”, hình ảnh người thương của chàng chiến sĩ ùa về choáng ngợp tâm hồn. + Nhớ ngôi sao đang lấp lánh để “soi sáng đường” cho mình, + Nhớ ngọn lửa hồng đêm lạnh để “sưởi ấm lòng” mình. -> Nhớ da diết mà vô cùng lạc quan và tràn ngập niềm tin. - Tình yêu lứa đôi hòa với tình yêu đất nước: + Anh có hai người yêu: em và đất nước. + Cả em và đất nước đều vất vả, đau thương, tươi thắm vô ngần + Em gắn chặt với đất nước, hòa trong đất nước -> Sự hài hòa, thống nhất, gắn bó giữa tình yêu và lí tưởng, tình riêng và tình chung, giữa lứa đôi và đất nước. -> Tình yêu quê hương, đất nước mãnh liệt. - Nghệ thuật + Ngôn ngữ dung dị và gần gũi + Hình ảnh đẹp, lời thơ trong sáng * Sắp xếp được hệ thống ý hợp lý theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn. 	0,5
		<p>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn được thao tác lập luận, phương thức biểu đạt hợp lý để triển khai vấn đề. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục, lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, hợp lý, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng. 	0,5
		<p>d. Diễn đạt</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp Tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn</p>	0,25

		văn.	
		e) <i>Sáng tạo</i> Thể hiện sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
2		Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bày tỏ ý kiến của anh/chị về <i>tinh thần lạc quan</i> của con người trong cuộc sống.	5.0
		a. <i>Xác định được yêu cầu của kiểu bài</i> Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội	0,25
		b. <i>Xác định đúng vấn đề nghị luận</i> : bày tỏ ý kiến của bản thân về <i>tinh thần lạc quan</i> của con người trong cuộc sống.	0,5
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết. - Xác định được các ý chính của bài viết. - Sắp xếp được các ý hợp lý theo bố cục 3 phần của bài văn nghị luận: * Giới thiệu được vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm cá nhân về vấn đề nghị luận. * Triển khai vấn đề cần nghị luận: - Giải thích: Lạc quan là luôn hướng về những điều tốt đẹp, thấy được những tia hy vọng trong khổ đau, nhìn nhận mọi việc theo hướng tích cực - Bày tỏ quan điểm của người viết, có thể theo một số gợi ý sau: + Tinh thần lạc quan sẽ giúp chúng ta có được niềm vui, sự phấn chấn, động lực để cố gắng hơn. + Người có tinh thần lạc quan sẽ nhận được niềm tin yêu, tôn trọng từ những người xung quanh. + Sống lạc quan giúp ta tìm thấy những cơ hội tốt đẹp trong cuộc sống, từ đó khẳng định được giá trị của bản thân. + Tinh thần sống lạc quan góp phần lớn vào xây dựng đời sống văn minh, tốt đẹp hơn. ... - Lấy được dẫn chứng và phân tích dẫn chứng. - Mở rộng, bày tỏ quan điểm trái chiều, hoặc ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện hơn: Không ít người sống bi quan, có cái nhìn tiêu cực về cuộc sống. * Khẳng định lại quan điểm cá nhân và rút ra bài học cho bản thân.	1.0
		d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau: - Học sinh lựa chọn ít nhất được 2 luận điểm để bày tỏ được quan điểm của cá nhân. - Lựa chọn được thao tác lập luận, phương thức biểu đạt hợp lý để triển khai vấn đề nghị luận. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục, lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, hợp lý, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng. Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ quan điểm của cá nhân nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	1,5
		d. <i>Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp Tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
		e. <i>Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; diễn đạt mới mẻ.	0,5
Tổng điểm			10.0

BỘ ĐỀ ÔN LUYỆN NGỮ VĂN KHỐI 11

ĐỀ THI BẮM SÁT CẤU TRÚC ĐỀ MINH HỌA TỐT NGHIỆP THPTQG 2025 MÔN NGỮ VĂN

CD – KNTT - CTST

*Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề
(Đề thi gồm có 02 trang)*

ĐỀ MINH HỌA SỐ 5

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

CHỦ NGHĨA NHÂN ĐẠO TRONG TÁC PHẨM CỦA THẠCH LAM

[...] Chủ nghĩa nhân đạo trong tác phẩm của Thạch Lam thực ra chưa sâu sắc và mãnh liệt nếu đem so sánh với ngòi bút Ngô Tất Tố hay Nam Cao, nhất là khi cần phanh phui triệt để những mâu thuẫn gay gắt trong xã hội người bóc lột người đã dẫn đến nỗi bất hạnh của người dân lao động. Ông không phải không đề cập đến vấn đề ấy, nhưng trong nhiều trường hợp, ngòi bút ấy dường như vừa chạm đến đã vội dừng lại và chuyển hướng. Chẳng hạn như truyện “Đứa con”, mở đầu là mâu thuẫn giữa chủ và người ở (một phụ nữ), là áp chế tàn nhẫn giữa kẻ có tiền và người làm thuê. Song kết thúc truyện thì mâu thuẫn đó lại bị xóa nhòa bởi một chuyển hướng hòa hợp, mà tác nhân là sự kích thích của tình mẫu tử – một thứ nhân tính muôn đời. Trong “Cái chân què” cũng tương tự như vậy. Chuyện tả một anh chàng vì nghèo mà cay cú với số phận, quyết tìm cách làm giàu. Nhưng khi được như ý, thì dần dần anh ta lại nhận thấy rằng đồng tiền không đem lại hạnh phúc. Sự tỉnh ngộ lần này của anh căn bản dựa trên cái triết lí về đồng tiền thường thấy ở một số tác giả khác trong Tự lực văn đoàn: triết lí của những con người chưa thực sự bị họa áo cơm ghi riết và hành hạ. Dù sao Thạch Lam cũng chưa hẳn đã sống chết với vấn đề này. - GV: Triệu Thị Phương Thúy

Tuy nhiên, đối với người lao động nghèo, cái nhìn của Thạch Lam nói chung là một cái nhìn hiện thực giàu tính nhân đạo. Bức tranh về cuộc sống của dân nghèo sau lũy tre, trong xóm chợ, nơi ngoại ô, ngõ hẻm không hề được phủ bằng màn sương thi vị. Những số phận nhọc nhằn, bi đát, với một viễn cảnh mờ mịt, đen tối, vẫn là kết cục chung cho hầu hết các tác phẩm viết về người dân lao động nghèo khổ của Thạch Lam. Cái chết của mẹ Lê để lại cả một đàn con gầy còm ngơ ngác là một cái kết bi thảm, gây nên “cái cảm giác lo sợ đè nén lấy tâm can” những người còn sống – những người mà “cái nghèo khổ cứ theo đuổi mãi không bao giờ dứt” (Nhà mẹ Lê). Có những gia đình trước đây đã có thời mát mặt, về sau cũng sa sút, khó khăn, và càng ngày cuộc sống càng thắt nghẹt họ mãi (Cô hàng xén, Đói, Hai đứa trẻ,...). Những kết thúc u ám như thế cứ trở đi trở lại trong nhiều truyện ngắn của Thạch Lam, tô đậm cái quá trình bần cùng không lối thoát của nhân dân lao động trong xã hội cũ. [...].

(Trích *Phong cách truyện ngắn Thạch Lam*, Trần Ngọc Dung, in trong *Thạch Lam - Tác phẩm và lời bình*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2013)

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5 (trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Văn bản trên bàn về vấn đề gì?

Câu 2. Văn bản trên có mấy luận điểm? Đó là những luận điểm nào?

Câu 3. Các luận điểm có mối quan hệ như thế nào trong việc làm nổi bật luận đề của văn bản?

Câu 4. Chỉ ra mục đích, thái độ của của tác giả được thể hiện ở văn bản trên?

Câu 5. Từ nội dung văn bản, anh/ chị có suy nghĩ gì về vai trò của tư tưởng nhân đạo đối với một tác phẩm văn học?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích ngắn gọn cảm hứng chủ đạo của đoạn thơ sau:

Tổ quốc là tiếng mẹ
 Ru ta từ trong nôi
 Qua nhọc nhằn năm tháng Nuôi lớn ta thành người

Tổ quốc là mây trắng
 Trên ngút ngàn Trường Sơn Bao người con ngã xuống Cho quê hương mãi còn
 [...]

Tổ quốc là tiếng mẹ Trãi bao mùa bão giông Thấp muôn ngọn lửa ấm
 Trên điệp trùng núi sông.

(Trích: **Tổ quốc là tiếng mẹ**, Nguyễn Việt Chiến, in trong *Tổ quốc nhìn từ biển*, NXB Phụ nữ, Hà Nội, 2015)

Câu 2. (4 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bày tỏ suy nghĩ của anh/chị về nghịch cảnh trong cuộc sống hằng ngày.

----- HẾT -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Giám thị không giải thích gì thêm.
- GV: Triệu Thị Phương Thúy

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 5

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Văn bản trên bàn về vấn đề: Chủ nghĩa nhân đạo trong tác phẩm của Thạch Lam. Hướng dẫn chấm: - Trả lời như đáp án: 0,5 điểm - Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm.	0,5
	2	Văn bản trên có 2 luận điểm: – Luận điểm 1: Tác giả nhận định rằng <i>Chủ nghĩa nhân đạo trong tác phẩm của Thạch Lam thực ra chưa sâu sắc và mãnh liệt.</i> – Luận điểm 2: <i>Tuy nhiên, đối với người lao động nghèo, cái nhìn của Thạch Lam nói chung là một cái nhìn hiện thực giàu tính nhân đạo.</i> Hướng dẫn chấm: - Trả lời như đáp án hoặc dẫn câu văn khác đúng yêu cầu (lời của người kể chuyện và lời của nhân vật): 0,5 điểm - Trả lời đúng 1 ý: 0,25 điểm - Trả lời không đúng hoặc không trả lời: 0,0 điểm	0,5
	3	Các luận điểm có mối liên hệ chặt chẽ với nhau trong việc làm nổi bật luận đề của văn bản. Cụ thể: – Cả hai luận điểm đều nói về chủ nghĩa nhân đạo trong các tác phẩm của nhà văn Thạch Lam; – Luận điểm thứ nhất chỉ ra cái hạn chế trong chủ nghĩa nhân đạo của Thạch Lam khi đem so ông với một số nhà văn hiện thực phê phán. Luận điểm hai chỉ ra cái tiến bộ của Thạch Lam khi nhìn về cuộc sống của người lao động nghèo để cho thấy rằng: dù thế nào thì trong các tác phẩm của Thạch Lam, tinh thần nhân đạo vẫn là điều dễ nhận thấy. Hướng dẫn chấm: - Trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời được 1 ý tương đương như đáp án: 0,5 điểm - Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm	1,0
	4	Mục đích, thái độ của tác giả: – Mục đích: Bằng những lí lẽ và dẫn chứng hợp lí, tác giả muốn thuyết	1,0

		<p>phục người đọc để họ thấy rằng: dù chưa thực sự sâu sắc và mãnh liệt, nhưng trong các tác phẩm của Thạch Lam đều ẩn chứa một cái nhìn nhân đạo đối với những người dân nghèo khổ.</p> <p>– Thái độ:</p> <p>+ Nghiêm khắc trong việc nhìn nhận về chủ nghĩa nhân đạo trong các tác phẩm của Thạch Lam, từ đó cho rằng, chủ nghĩa nhân đạo ở các sáng tác của Thạch Lam là chưa sâu sắc và mãnh liệt.</p> <p>+ Ca ngợi các sáng tác của Thạch Lam ở cái nhìn đầy thương cảm đối với người dân nghèo.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm</p> <p>- Trả lời tương đương như đáp án được 1/2 số ý: 0,5 - 0,75 điểm</p> <p>- Trả lời tương đương như đáp án được 1/3 số ý: 0,25 - 0,5 điểm</p> <p>- Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm.</p>	
	5	<p>Suy nghĩ về vai trò của tư tưởng nhân đạo đối với một tác phẩm văn học:</p> <p>– Tư tưởng nhân đạo làm nên giá trị tư tưởng cho tác phẩm văn học;</p> <p>– Làm nên sức sống lâu bền cho tác phẩm.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm</p> <p>- Trả lời tương đương như đáp án 2 ý: 0,75 điểm</p> <p>- Trả lời tương đương như đáp án 1 ý: 0,5 điểm</p> <p>- Trả lời không đúng hoặc không trả lời: 0,0 điểm.</p> <p><i>(Lưu ý: HS có thể có cách diễn đạt khác, miễn là lí giải hợp lí, thuyết phục thì vẫn cho điểm)</i></p>	1,0
II		VIẾT	6,0
	1	<p>Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích ngắn gọn cảm hứng chủ đạo của bài thơ “Tổ quốc là tiếng mẹ”.</p>	2,0
		<p>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn</p> <p>Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.</p>	0,25
		<p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>Phân tích ngắn gọn đặc điểm chung của ba nhân vật Lưu Bị, Quan Công, Trương Phi trong văn bản.</p>	0,25
		<p>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận</p> <p>- Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: Hiệu quả của việc đặt điểm nhìn vào nhân vật Việt trong đoạn trích trên:</p> <p>– Cảm hứng chủ đạo: Thể hiện tình yêu thương, gắn bó, lòng biết ơn đối với Tổ quốc Việt Nam thân yêu.</p> <p>– Phân tích:</p> <p>+ Tổ quốc được so sánh như là tiếng mẹ ru, nuôi dưỡng tâm hồn ta, giúp ta lớn lên thành người;</p> <p>+ Tổ quốc là hình ảnh gợi nhắc đến những con người đã hy sinh xương máu để cho ta có cuộc sống hòa bình hôm nay.</p> <p>+ Tổ quốc dù trải qua bao mùa giông bão, nhưng vẫn kiên cường đứng vững, tiếp thêm cho ta sức mạnh để ta tiến bước về phía trước.</p>	0,5
		<p>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</p> <p>- Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận:</p> <p>- Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p> <p>- Trình bày rõ quan điểm hệ thống các ý</p> <p>- Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.</p>	0,5
		<p>đ. Diễn đạt</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu</p>	0,25

		<i>trong đoạn văn</i>	
		<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
2		Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày ý kiến của anh/ chị về việc sống có kỉ luật.	4,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài</i> Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i>	0,5
		<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết</i> - Xác định được các ý chính của bài viết - Sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: * Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề. * Triển khai vấn đề nghị luận: 1. Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm cá nhân về vấn đề: – Thực dụng là một lối sống đang thịnh hành trong xã hội hiện nay. – Đây là lối sống vừa có mặt tiêu cực, lại cũng ẩn chứa một số nhân tố tích cực. 2. Triển khai vấn đề nghị luận: 2.1. Giải thích: Lối sống thực dụng là một lối sống mà ở đó con người ta đề cao các giá trị vật chất thiết thực đối với đời sống, ít hoặc không chú ý đến các giá trị tinh thần. 2.2. Tác hại của lối sống thực dụng: – Dễ khiến con người ta vì đam mê vật chất mà bỏ quên các giá trị tinh thần. – Vì tranh chấp vật chất, trong một số trường hợp, lối sống thực dụng có thể làm đổ vỡ các mối quan hệ trong gia đình lẫn ngoài xã hội. – Người có lối sống thực dụng một cách cực đoan có thể khiến cho bản thân trở nên khô khan, vô cảm, từ đó dẫn đến lối sống ích kỉ, coi thường những người nghèo khó. – Việc sống quá thực dụng cũng dễ khiến người ta bất chấp đạo đức và pháp luật, có những hành vi trái với luân thường đạo lí hoặc phạm pháp. 2.3. Lợi ích của lối sống thực dụng: Nếu biết tiết chế đam mê vật chất, lối sống thực dụng sẽ có một số lợi ích nhất định: – Những người thực dụng, khi suy nghĩ và hành động, luôn bám sát thực tế, đặt tính hiệu quả lên hàng đầu, không lãng mạn, không mơ mộng hão huyền, do vậy, họ tinh táo hơn trong việc đưa ra những quyết định, dễ có được thành công. – Những người thực dụng thường là những con người có thể tự nuôi sống mình và người thân, không trở thành gánh nặng của xã hội. Nếu không coi đồng tiền là tất cả, họ còn có thể hỗ trợ, giúp đỡ cho cộng đồng. 2.4. Giải pháp: Nên cân bằng giữa nhu cầu vật chất và tinh thần. Cần lao động làm ra của cải vật chất để nuôi sống bản thân, gia đình, đóng góp cho xã hội; nhưng cũng không nên coi vật chất là tất cả, không nên lấy vật chất làm thước đo trong mọi trường hợp. Cần biết quan tâm tới các giá trị tinh thần, để làm cho đời sống trở nên phong phú và ý nghĩa hơn. 3. Rút ra bài học cho bản thân: – Cần biết cân bằng giữa nhu cầu vật chất và tinh thần; – Tránh xa lối sống coi vật chất là tất cả; hoặc quá coi thường vật chất. * Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân	1,0
		<i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i>	

	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai được ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng. <p>Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	
	<p><i>d. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.</p>	0,25
	<p><i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	
Tổng điểm		10,0

ĐỀ THI BÁM SÁT CẤU TRÚC
ĐỀ MINH HỌA TỐT NGHIỆP THPTQG 2025
MÔN NGỮ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề
(Đề thi gồm có 02 trang)

CD – KN TT - CTST



ĐỀ MINH HỌA SỐ 6

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Người ta thường nói: “Trời không tạo ra người đứng trên người và cũng không tạo ra người đứng dưới người”. Kể từ khi tạo hóa làm ra con người thì tất cả sinh ra đều bình đẳng, mọi người đều có tư cách, có địa vị như nhau, không phân biệt đẳng cấp trên dưới, giàu nghèo.

Loài người – chúa tể của muôn vật – bằng hoạt động trí óc và hoạt động tay chân mà biến mọi thứ có trên thế gian thành vật có ích cho bản thân mình. Nhờ thế mà thỏa mãn được nhu cầu ăn, mặc, ở, sống tự do theo ý muốn và không làm phiền, làm cản trở cuộc sống của đồng loại. Con người có thể sống yên ổn, vui vẻ trên thế gian. Đó là ý Trời, là niềm hy vọng của Trời đối với con người. - GV: Triệu Thị Phương Thúy

Vậy mà nhìn rộng ra khắp xã hội, cuộc sống con người luôn có những khoảng cách một trời một vực. Đó là khoảng cách giữa người thông minh và kẻ đần độn; giữa người giàu và người nghèo; giữa tầng lớp quý tộc và tầng lớp hạ đẳng.

Như thế là tại làm sao? Nguyên nhân thực ra rất rõ ràng.

Cuốn sách dạy tu thân “Thực ngữ giáo” có câu: “Kẻ vô học là người không có tri thức, kẻ vô tri thức là người ngu dốt”. Câu nói trên cũng có thể hiểu: sự khác nhau giữa người thông minh và kẻ đần độn là ở chỗ có học hay vô học mà thôi.

Trên thế gian có cả việc khó lẫn việc dễ. Người làm được việc khó được coi là người quan trọng. Người làm việc dễ thường có địa vị thấp, bị coi thường. Công việc cần sự khổ nhọc về tinh thần được xem là việc khó, còn lao động chân tay là việc dễ. Vì thế, học giả, quan chức chính phủ, giám đốc các công ty lớn, chủ trang trại sử dụng nhiều nhân công... là những người có địa vị cao, quan trọng. Một khi đã là những người có địa vị, quan trọng thì đương nhiên gia đình họ cũng giàu sang sung túc đến mức tầng lớp hạ đẳng năm mơ cũng không được. Tuy vậy, nếu suy nghĩ kỹ lưỡng gốc rễ của vấn đề thì chỉ có một nguyên nhân. Đó chẳng qua là do có chịu khó học hay không mà thôi, chứ có người nào được Trời phú cho đâu. Ngạn ngữ có câu: “Trời không ban cho con người phú quý. Chính con người tạo ra giàu sang phú quý”. Có nghĩa là Trời nhìn vào kết quả hoạt động, lao động của con người để ban thưởng.

Như tôi đã đề cập: ở con người vốn dĩ không có chênh lệch sang hèn, giàu nghèo. Vì thế, có thể nói rằng: con người chịu khó học, hiểu biết nhiều sẽ trở thành người quan trọng, sống sung túc; người vô học sẽ trở thành con người thấp kém, nghèo khổ.

(Trích: **Khuyến học**, Fukuzawa Yukichi, Phạm Hữu Lợi dịch, NXB Thế giới, 2017, tr.24)

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5 (trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Chỉ ra phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản?

Câu 2. Nêu luận đề của văn bản?

Câu 3. Văn bản trên có thể được chia làm mấy phần? Nêu nội dung chính của từng phần?

Câu 4. Chỉ ra mục đích, quan điểm của tác giả được thể hiện ở văn bản trên?

Câu 5. Anh/ chị có đồng tình với quan điểm: *con người chịu khó học, hiểu biết nhiều sẽ trở thành người quan trọng, sống sung túc; người vô học sẽ trở thành con người thấp kém, nghèo khổ không?* Lí giải vì sao?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày ý kiến của anh/ chị về vấn đề: *Làm thế nào để học tập hiệu quả?*

Câu 2. (4 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích nhân vật Điền trong truyện ngắn sau: *(Lược một đoạn: Điền là một nhà văn giàu mơ mộng nhưng nghèo. Để mưu sinh, Điền đã phải tạm gác lại giấc mộng văn chương để đi dạy cho một trường tư. Rồi trường đột nhiên bị đóng cửa, Điền phải về quê sống nhờ vợ. Dù vậy, Điền vẫn luôn nuôi trong mình khát vọng một ngày kia sẽ đi xa, sẽ viết được một thứ văn chương lãng mạn, thanh cao)*

Trên kia, giăng nhờn nhờ như một cô gái non vừa mới có nhân tình. Gió nhẹ nhàng đặt trên lá những bước chân vũ nữ. Những tàu lá chuối lóng lánh trắng đưa đẩy... Điền nghĩ đến những người đàn bà nhàn hạ, vừa tắm bằng một thứ nước thơm tho, mặc áo lụa xanh, ngả tấm thân mềm trên chiếc ghế xích đu và đưa đẩy đôi chân thườn theo...

Tại sao Điền lại vụt nghĩ đến những hình ảnh lả lơ ấy? Chính Điền cũng không thể hiểu. Có lẽ Điền ước ao một cái mái tóc thơm tho, một làn da mát mịn, một bàn tay ve vuốt. Có những người đàn bà đẹp, yêu rất khéo, bởi họ được ăn ngon, mặc đẹp, chăm sóc thịt da và chẳng làm gì cả. Phải rồi, vợ Điền chỉ là một kẻ tục tằn. Thị chẳng đáng cho Điền yêu quý. Cũng chẳng đáng cho Điền thương hại. Điền phải đi. Đi để giữ cho lòng mình tươi lâu. Điền sẽ làm bất cứ cái gì đó để có ăn. Rồi Điền bình tĩnh viết. Có như vậy Điền viết mới ra hồn được. Lời phải đẹp, ý phải thanh cao, ngọn bút của Điền mới khơi nguồn cho những tình cảm đầy thơ mộng. Nghệ thuật chính là cái ánh trăng xanh huyền ảo nó làm đẹp đến cả những cảnh thật ra chỉ tầm thường, xấu xa... Điền lại thấy hiện ra cái bóng dáng yêu kiều của những người đàn bà nhàn nhã ngả mình trên những cái ghế xích-đu nhún nhảy... Những người ấy sẽ đọc văn Điền. Lòng họ đẹp thêm lên. Họ sẽ yêu Điền. Họ sẽ gửi cho Điền những bức thư xinh xinh ướp nước hoa. Tưởng tượng của Điền tỏa rộng ra như một ánh trăng. Điền nghĩ đến những cuộc tình duyên lãng mạn với những người đàn bà đẹp chỉ biết trang điểm và yêu đương. Những tiếng gặt gồng ở trong nhà lại đưa ra. Vụt cái, trăng mất đẹp. Điền cúi mặt, bẽn lèn như bị bắt gặp làm việc xấu. Điền lắng tai nghe. Tiếng vợ Điền gay gắt hỏi:

– Làm sao thế? - GV: Triệu Thị Phương Thúy

Đưa con gái vừa mếu máo vừa đáp lại. – Con đau bụng.

– Giời ơi là giời!

Ấy là tiếng vợ Điền rên lên. Rồi thị mắng con: – Ăn bậy lắm! Chết là phải, còn kêu ai?

Đưa con không dám khóc to. Nó chỉ oằn oại và rít nhỏ nhỏ trong cổ họng. Thỉnh thoảng nó không còn sức nén, tiếng khóc bật ra, Điền nghe một vài tiếng nức nở như tiếng người nôn ọe, Điền vẫn ngời cúi mặt. Một nỗi chua xót gần như là thuộc về thể chất, ứ lên trong lòng Điền. Nó dâng lên đến cổ, xông lên óc. Nước mắt Điền ứa ra.

Vợ Điền gượng nhẹ đặt đứa con đang ngủ mê xuống võng. Thị cầm một con dao ra vườn moi mấy nhánh gừng về rửa sạch, giã ra. Thị vắt thêm vào đấy nửa quả chanh. Thứ thuốc bách bệnh của con nhà nghèo chỉ gồm có thế. Thị gạn lấy nước đem lại cho con. Con bé mới ngủ thấy hơi gừng đã sợ. Nó mím chặt môi. Dĩ thế nào nó cũng không chịu uống. Thị phải bế nó, đặt nằm ngửa trên đùi, một tay thị đỡ đầu, một tay thị kê chén nước gừng vào tận môi con. Con bé mím môi thật

chặt. Bực mình thị quát: – Há mồm ra!

Con bé khóc. Thế là cốc nước gừng đã dốc tuột vào mồm nó. Nó giãy lên như đĩa phải vôi. Nó phun phè phè. Nó gào lên. Bao nhiêu nước gừng bắn ra áo mẹ. Thằng cu con giật mình, khóc thét lên. Vợ Điền tức quá, phát đen đét vào lưng con bé ốm và quăng nó xuống giường như quăng một con mèo:

– Kệ cha mày! Cho mày chết đi! Con bé vừa gào vừa van lạy:

– Con lạy bu; Con cay lắm! Con lạy bu! Cay mồm... – Mày cầm ngay không tao tát cho vỡ mặt. Nó vẫn không chịu lặng. Thị sừng sộ, chực vồ lấy nó: – Mày có cầm không nào?

Nó sợ quá đành phải nín. Nhưng những tiếng rên nho nhỏ vẫn còn thoát ra... Điền thương con lắm. Vút cái, Điền thấy Điền không thể nào đi được. Điền không thể sung sướng khi con Điền còn khổ. Chao ôi! Trăng đẹp lắm! Trăng dịu dàng và trong trẻo và bình tĩnh. Nhưng trong những căn lều nát mà trăng làm cho cái bề ngoài trông cũng đẹp, biết bao người quẩn quại, nước nỡ, nhân nhó với những đau thương của kiếp mình! Biết bao tiếng nguyền rủa và chửi rủa! Biết bao cực khổ và lầm than?... Không, không, Điền không thể nào mơ mộng được. Cái sự thật tàn nhẫn luôn luôn bày ra đây. Sự thực giết chết những ước mơ lãng mạn gieo trong đầu óc Điền cái thứ văn chương của bọn nhàn rỗi quá. Điền muốn tránh sự thực, nhưng trốn tránh làm sao được? Vợ Điền khổ, con Điền khổ, cha mẹ Điền khổ. Chính Điền cũng khổ. Bao nhiêu người nữa, cùng một cảnh, khổ như Điền! Cái khổ làm héo một phần lớn những tính tình tươi đẹp của người ta. Tiếng đau khổ vang dội lên mạnh mẽ. Chao ôi! Chao ôi! Nghệ thuật không cần là ánh trăng lừa dối, không nên là ánh trăng lừa dối, nghệ thuật có thể chỉ là tiếng đau khổ kia, thoát ra từ những kiếp lầm than, vang dội lên mạnh mẽ trong lòng Điền. Điền chẳng cần đi đâu cả. Điền chẳng cần trốn tránh, Điền cứ đứng trong lao khổ, mở hồn ra đón lấy tất cả những vang động của đời...
... Sáng hôm sau, Điền ngồi viết. Giữa tiếng con khóc, tiếng vợ gặt gồng, tiếng léo xéo đòi nợ ngoài đầu xóm. Và cả tiếng chửi bới của một người láng giềng ban đêm mất gà.

(Trích: **Giăng sáng**, Nam Cao, in trong *Tuyển tập Nam Cao*, NXB Văn học, Hà Nội, 2002)

----- HẾT -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Giám thị không giải thích gì thêm.
- GV: Triệu Thị Phương Thúy

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 6

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận Hướng dẫn chấm: - Trả lời như đáp án: 0,5 điểm - Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm.	0,5
	2	Luận đề của văn bản: Tâm quan trọng của học vấn. Hướng dẫn chấm: - Trả lời như đáp án hoặc dẫn câu văn khác đúng yêu cầu (lời của người kể chuyện và lời của nhân vật): 0,5 điểm - Trả lời đúng 1 ý: 0,25 điểm - Trả lời không đúng hoặc không trả lời: 0,0 điểm	0,5
	3	Văn bản trên có thể được chia làm 3 phần: – Phần 1 (từ đầu đến niềm hy vọng của Trời đối với con người): con người sinh ra vốn bình đẳng. – Phần 2 (tiếp theo cho đến giữa tầng lớp quý tộc và tầng lớp hạ đẳng): thực trạng bất bình đẳng trong xã hội. – Phần 3 (còn lại): nguyên nhân của tình trạng bất bình đẳng – do học vấn tạo nên. Hướng dẫn chấm:	1,0

		<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời được 1 ý tương đương như đáp án: 0,5 điểm - Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm 	
	4	<p>Mục đích, quan điểm của tác giả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: Thuyết phục người đọc về tầm quan trọng của học vấn. - Quan điểm: Đề cao vai trò của học vấn; ngầm phê phán những con người không chịu khó học tập. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời tương đương như đáp án được 1/2 số ý: 0,5 - 0,75 điểm - Trả lời tương đương như đáp án được 1/3 số ý: 0,25 - 0,5 điểm - Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm. 	1,0
	5	<p>Anh/ chị có đồng tình với quan điểm: <i>con người chịu khó học, hiểu biết nhiều sẽ trở thành người quan trọng, sống sung túc; người vô học sẽ trở thành con người thấp kém, nghèo khổ không?</i> Lí giải vì sao?</p> <p>Học sinh được tự do bày tỏ quan điểm, miễn là có lí giải thuyết phục.</p> <p>Tham khảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đồng tình. - Lí giải: <p>+ Khi chịu khó học, ta sẽ có tri thức, sẽ được nhiều người tín nhiệm, trọng dụng, có được công việc tốt, vị trí cao, từ đó cuộc sống sẽ sung túc, hạnh phúc.</p> <p>+ Khi không học, chúng ta không có tri thức, không làm được những việc khó, không được người khác coi trọng, do đó mà nghèo khổ.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời tương đương như đáp án 2 ý: 0,75 điểm - Trả lời tương đương như đáp án 1 ý: 0,5 điểm - Trả lời không đúng hoặc không trả lời: 0,0 điểm. <p><i>(Lưu ý: HS có thể có cách diễn đạt khác, miễn là lí giải hợp lí, thuyết phục thì vẫn cho điểm)</i></p>	1,0
II		VIẾT	6,0
	1	<p>Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày ý kiến của anh/ chị về vấn đề: <i>Làm thế nào để học tập hiệu quả?</i></p>	2,0
		<p>a. <i>Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn</i></p> <p>Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.</p>	0,25
		<p>b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i></p> <p>Phân tích ngắn gọn đặc điểm chung của ba nhân vật Lưu Bị, Quan Công, Trương Phi trong văn bản.</p>	0,25
		<p>c. <i>Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận</i></p> <p>- Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: Hiệu quả của việc đặt điểm nhìn vào nhân vật Việt trong đoạn trích trên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trên lớp tập trung lắng nghe thầy cô giảng bài, chỗ nào không hiểu hỏi ngay tại lớp; - Về nhà làm bài tập đầy đủ, tham khảo ý kiến bạn bè và thầy cô đối với những bài tập khó; - Sắp xếp thời gian biểu hợp lí và tuân thủ thời gian biểu một cách nghiêm túc; - Luôn không ngừng tìm kiếm phương pháp học tập phù hợp nhất với bản thân;... 	0,5
		<p>d. <i>Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận; - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. 	0,5

		<p>- Trình bày rõ quan điểm hệ thống các ý</p> <p>- Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.</p>	
		<p><i>d. Diễn đạt</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn</p>	0,25
		<p><i>e. Sáng tạo</i></p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,25
	2	Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày ý kiến của anh/ chị về việc sống có kỉ luật.	4,0
		<p><i>a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài</i></p> <p>Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội</p>	0,25
		<p><i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i></p>	0,5
		<p><i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết</i></p> <p>- Xác định được các ý chính của bài viết</p> <p>- Sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận:</p> <p>* Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề.</p> <p>* Triển khai vấn đề nghị luận:</p> <p>1. Giới thiệu khái quát tác giả, tác phẩm và nêu vấn đề nghị luận:</p> <p>– Giới thiệu tác giả, tác phẩm: Nam Cao (1915-1951), tên thật là Trần Hữu Tri, là nhà văn hiện thực lớn, nhà nhân đạo chủ nghĩa lớn, có đóng góp quan trọng đối với quá trình hiện đại hoá truyện ngắn và tiểu thuyết Việt Nam nửa đầu thế kỉ XX. Nam Cao là nhà văn có phong cách nghệ thuật độc đáo: luôn hướng tới thế giới nội tâm của con người; có biệt tài trong việc miêu tả và phân tích tâm lí; viết về cái nhỏ nhặt hàng ngày mà đặt ra được những vấn đề có ý nghĩa xã hội to lớn, có tầm triết lí sâu sắc và có giọng văn đặc sắc. <i>Giăng sáng</i> là một trong những truyện ngắn tiêu biểu của ông.</p> <p>– Nêu vấn đề nghị luận: Phân tích nhân vật Điền trong truyện ngắn <i>Giăng sáng</i>.</p> <p>2. Triển khai vấn đề nghị luận:</p> <p>2.1. Phân tích nhân vật Điền:</p> <p>– Điền là một nhà văn nghèo khổ nhưng luôn mang trong mình cái mộng văn chương đẹp đẽ. Anh luôn mơ một ngày sẽ có thể ra đi, để được rảnh rang mà viết thứ văn chương cao siêu anh hằng ấp ủ.</p> <p>– Nhưng rồi thực tế cuộc sống đã đánh thức anh: trong một đêm trăng sáng thơ mộng, khi anh đang chìm đắm trong mơ tưởng ảo diệu, thì tiếng con khóc, tiếng vợ mắng con đã làm anh giật mình tỉnh thức. Anh không thể ra đi, không thể ích kỉ chỉ nghĩ đến mình khi mà con anh khổ, vợ anh khổ. Anh không thể viết thứ văn chương thoát li cuộc sống, thứ văn chương tươi đẹp, khi mà thực tế cuộc sống đang đầy rẫy khổ đau.</p> <p>– Và sáng hôm sau, anh đã thay đổi. Anh ngồi viết <i>Giữa tiếng con khóc, tiếng vợ gặt gồng, tiếng léo xéo đòi nợ ngoài đầu xóm. Và cả tiếng chửi bới của một người láng giềng ban đêm mất gà</i>.</p> <p>2.2. Tư tưởng nhà văn gửi gắm qua nhân vật:</p> <p>Thông qua nhân vật Điền, Nam Cao đã gửi gắm những tư tưởng sâu sắc:</p> <p>– Văn chương phải phản ánh thực tế đời sống, không được thoát li đời sống;</p> <p>– Nhà văn chân chính là nhà văn phải đứng hai chân trên mặt đất của hiện thực, viết về hiện thực để cải tạo hiện thực.</p> <p>3. Đánh giá khái quát vấn đề ở đề bài.</p> <p>* Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân</p>	1,0
		<p><i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i></p> <p>- Triển khai được ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân</p> <p>- Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để</p>	

	<p>triển khai vấn đề nghị luận.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng. <p>Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	
	<p>đ. Diễn đạt Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.</p>	0,25
	<p>e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	
Tổng điểm		10,0

**ĐỀ THI BÁM SÁT CẤU TRÚC
ĐỀ MINH HỌA TỐT NGHIỆP THPTQG 2025
MÔN NGỮ VĂN**

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề
(Đề thi gồm có 02 trang)

CD – KNTT - CTST

**ĐỀ MINH HỌA SỐ 7****I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)**

Đọc văn bản sau:

Người bạn tốt nhất mà con người có được trên thế giới này có thể một ngày nào đó hóa ra kẻ thù chống lại chúng ta. Con cái mà ta nuôi dưỡng với tình yêu thương hết mực rồi cũng có thể sẽ là một lũ vô ơn.

Những người gần gũi, thân thiết nhất mà người ta gửi gắm hạnh phúc và danh dự có thể trở thành kẻ phản bội, phụ bạc lòng tin cậy và sự trung thành. Tiền bạc mà con người có được rồi sẽ mất đi, thậm chí còn luôn mất đi đúng vào lúc ta cần nó nhất.

Tiếng tăm của con người cũng có thể tiêu tan trong phút chốc bởi một hành động đại dột. Những kẻ phủ phục tôn vinh ta khi ta thành đạt, có thể sẽ là những kẻ ném đá vào ta khi ta sa cơ lỡ vận. Duy có một người bạn không vụ lợi mà con người có thể có trong thế giới ích kỷ này, người bạn không bao giờ bỏ rơi ta, không bao giờ vô ơn hay tráo trở, đó là chú chó của ta.

Nó luôn ở bên cạnh ta trong những lúc phú quý cũng như bần hàn, khi khỏe mạnh cũng như lúc đau ốm. Nó ngủ yên trên nền đất lạnh dù gió đông giá rét hay bão tuyết vùi lấp, miễn sao được cận kề bên chủ. Nó hôn bàn tay ta dù khi ta không còn thức ăn cho nó.

Nó liếm vết thương của ta và những vết trầy xước mà ta phải hứng chịu khi va chạm với cuộc đời bạo tàn này. Nó canh giấc ngủ của ta như thể ta là một ông hoàng, dù ta có là một gã ăn mày. Dù khi ta đã tán gia bại sản, thân tàn danh liệt thì vẫn còn chú chó trung thành với tình yêu nó dành cho ta như thái dương trên bầu trời. Nếu chẳng may số phận hắt ta ngoài rìa xã hội, không bạn bè, không nơi ở thì chú chó trung thành chỉ xin ta một ân huệ là cho nó được đồng hành, cho nó được bảo vệ ta trước nguy hiểm, giúp ta chống lại kẻ thù...

Và khi trò đời hạ màn, thần chết đến rước phần hồn ta đi, để lại thân xác ta trong lòng đất lạnh, thì khi ấy, lúc tất cả thân bằng gia quyến đã phủ tay sau năm đất cuối cùng và quay đi để sống tiếp cuộc đời của họ, vẫn còn bên nắm mồ của ta chú chó cao thượng nằm gác mõm giữa hai chân trước, đôi mắt ướt buồn vẫn mở to cảnh giác, trung thành và trung thực ngay cả khi ta đã đi vào cõi hư vô!

(George Graham Vest, nguồn: <https://vtc.vn/>).

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5 (trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Chỉ ra hai phương thức biểu đạt nổi bật được sử dụng trong văn bản?

Câu 2. Văn bản trên có thể được chia làm mấy phần? Nêu nội dung chính của từng phần?

Câu 3. Mục đích của tác giả khi viết văn bản trên là gì?

Câu 4. Phân tích ngắn gọn sức thuyết phục trong lập luận của tác giả?

Câu 5. Từ nội dung văn bản, anh/ chị rút ra được bài học gì cho bản thân mình?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về tác hại của thói phản bội.

Câu 2. (4 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích hình tượng nhân vật Dung trong văn bản sau:

(Tóm lược một đoạn: Dung sinh ra trong một gia đình trước kia danh giá nhưng giờ sa sút, nghèo khổ. Vì đã đông con, nên khi Dung ra đời, cả bố mẹ đều đối với nàng rất lãnh đạm, thờ ơ. Dung lớn lên trong sự hờ hững, lạnh nhạt ấy của gia đình. Rồi Dung bị mẹ gả bán cho nhà người ta để lấy mấy trăm đồng bạc).

Về đến nhà chồng, Dung mới biết chồng là một anh học trò lớp nhì, vừa lẩn thẩn vừa ngu đần. Nàng đã bé mà chồng nàng lại còn bé choắt hơn. Nhưng bà mẹ chồng với các em chồng nàng thì to lớn ác nghiệt lắm.

Qua ngày nhị hỉ, Dung đã tháo bỏ đôi vòng trả mẹ chồng, ăn mặc nâu sồng như khi còn ở nhà, rồi theo các em chồng ra đồng làm ruộng. Nhà chồng nàng giàu, nhưng bà mẹ chồng rất keo kiệt, không chịu nuôi người làm mà bắt con dâu làm.

Khốn nạn cho Dung từ bé đến nay không phải làm công việc gì nặng nhọc, bây giờ phải tát nước, nhổ cỏ, làm lụng đầu tắt mặt tối suốt ngày. Đã thế lại không có người an ủi. Chồng nàng thì cả ngày thả diều, chả biết cái gì mà cũng không dám cãi lại bà cụ. Còn hai em chồng nàng thì ghê gớm lắm, thi nhau làm cho nàng bị mắng thêm.

Những lúc Dung cực nhọc quá, ngồi khóc thì bà mẹ chồng lại dạy nghiêm:

- Làm đi chứ, đừng ngồi đấy mà sụt sịt đi cô. Nhà tôi không có người ăn chơi, không có người cả ngày ôm lấy chồng đâu.

Rồi bà kể thêm:

- Bây giờ là người nhà tao rồi thì phải làm. Mấy trăm bạc dẫn cưới, chứ tao có lấy không đâu. Dung chỉ khóc, không dám nói gì. Nàng đã viết ba bốn lá thư về kể nỗi khổ sở của nàng, nhưng không thấy cha mẹ ở nhà trả lời.

Một hôm tình cờ cả nhà đi vắng, Dung vội ăn cắp mấy đồng bạc trinh lên ra ga lấy vé tàu về quê. Đến nơi, mẹ nàng ngạc nhiên hỏi:

- - Kia, con về bao giờ thế? Đi có một mình thôi à? GV: *Triệu Thị Phương Thúy*

Dung sợ hãi không dám nói rằng trốn về, phải tìm cách nói dối. Nhưng đến chiều tối, nàng lo sợ quá, biết rằng thế nào ngày mai mẹ chồng nàng cũng xuống tìm. Nàng đánh bạo kể hết sự tình đầu cho cha mẹ nghe, những nỗi hành hạ nàng phải chịu, và xin cho phép nàng ở lại nhà.

Cha nàng hút một điếu thuốc trong cái ống điếu khảm bạc, rồi trầm ngâm như nghĩ ngợi. Còn mẹ nàng thì dùng dùng nỗi giận mắng lấy mắng để:

- Lấy chồng mà còn đòi ở nhà. Sao cô ngu thế. Cô phải biết cô làm ăn thế đã thắm vào đâu mà phải kể. Ngày trước tôi về nhà này còn khó nhọc bằng mười chứ chả được như cô bây giờ đâu, cô ạ.

Sớm mai, bà mẹ chồng Dung xuống. Vừa thấy thông gia, bà đã nói mát:

- Nhà tôi không có phúc nuôi nổi dâu ấy. Thôi thì con bà lại xin trả bà chứ không dám giữ. Mẹ Dung cãi lại:

- Ô hay, sao bà ăn nói lạ. Bây giờ nó đã là dâu con bà, tôi không biết đến. Mặc bà muốn xử thế nào thì xử. Chỉ biết nó không phải là con tôi nữa mà thôi.

Bà nọ nương bà kia, rút cục Dung được lệnh của mẹ phải sửa soạn để đi với mẹ chồng.

Bị khổ quá, nàng không khóc được nữa. Nàng không còn hy vọng gì ở nhà cha mẹ nữa. Nghĩ đến những lời dạy nghiêm, những nỗi hành hạ nàng phải sẽ chịu, Dung thấy lạnh người đi như bị sốt.

Nàng hoa mắt lên, đầu óc rối bời, Dung ước ao cái chết như một sự thoát nợ.

Nàng không nhớ rõ gì. Ra đến sông lúc nào nàng cũng không biết. Như trong một giấc mơ, Dung lơ mơ thấy cái thành cầu, thấy giòng nước chảy. Trí nàng sắc lại khi ước lạnh đập vào mặt, nàng uất ức lịm đi, thấy máu đỏ trào lên, rồi một cái màng đen tối kéo đến che lấp cả.

Bỗng nàng mơ màng nghe thấy tiếng nhiều người, tiếng gọi tên nàng, một làn nước nóng đi vào cổ. Dung ú ớ tựa mình muốn trả lời.

- Tỉnh rồi, tỉnh rồi, không lo sợ gì nữa. Bây giờ chỉ đắp chăn cho ấm rồi sắc nước gừng đặc cho uống là khỏi.

Dung dần dần nhớ lại. Khi nàng mở mắt nhìn, thấy mình nằm trong buồng, người u già cầm cây đèn con đứng đầu giường nhìn nàng mỉm cười một cách buồn rầu:

- Cô đã tỉnh hẳn chưa? Dung gật:

- Tỉnh rồi.

Một lát, nàng lại hỏi:

- Tôi làm sao thế nhỉ... Bà cả đâu u? Bà ấy về chưa? U già để tay lên trán Dung, không trả lời câu hỏi:

- Cô hãy còn mệt. Ngủ đi.

Hai hôm sau, Dung mạnh khỏe hẳn. Bà mẹ chồng vẫn chờ nàng, hỏi có vẻ gay gắt thêm:

- Cô định tự tử để gieo cái tiếng xấu cho tôi à? Nhưng đời nào, trời có mắt chứ đã dễ mà chết được.

Thế bây giờ cô định thế nào? Định ở hay định về? Dung buồn bã trả lời:

- Con xin về.

Khi theo bà ra ga, Dung thấy người hai bên đường nhìn nàng bàn tán thì thào. Nàng biết người ta tò mò chú ý đến nàng.

Trông thấy dòng sông chảy xa xa, Dung ngậm ngùi nghĩ đến cái chết của mình. Lần này về nhà chồng, nàng mới hẳn là chết đuối, chết không còn mong có ai cứu vớt nàng được nữa.

Dung thấy một cảm giác chán nản và lạnh lẽo. Khi bà cả lần ruột tương gọi nàng lại đưa tiền lấy vé, Dung phải vội quay mặt đi để giấu mấy giọt nước mắt.

(Trích: **Hai lần chết**, Thạch Lam, in trong tập Gió đầu mùa, NXB Đời nay, Hà Nội, 1937)

----- HẾT -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Giám thị không giải thích gì thêm.
- GV: Triệu Thị Phương Thúy

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 7

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Hai phương thức biểu đạt nổi bật được sử dụng trong đoạn trích là: nghị luận và biểu cảm. Hướng dẫn chấm: - Trả lời như đáp án: 0,5 điểm - Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm.	0,5
	2	Văn bản trên có thể được chia làm hai phần: – Phần 1 (từ đầu đến đó là chú chó của ta): Nói về sự khôn lường của long người, sự phù du của tiền bạc và danh tiếng. – Phần 2 (còn lại): nói về sự trung thành, thủy chung của chú chó mà ta nuôi. Hướng dẫn chấm: - Trả lời như đáp án hoặc dẫn câu văn khác đúng yêu cầu (lời của người kể chuyện và lời của nhân vật): 0,5 điểm - Trả lời đúng 1 ý: 0,25 điểm - Trả lời không đúng hoặc không trả lời: 0,0 điểm	0,5
	3	Mục đích của tác giả khi viết văn bản trên là: – Ngâm phê phán những con người vô ơn, bội bạc. – Cho thấy sự vô nghĩa của danh vọng, tiền tài. – Từ đó làm nổi bật lòng trung thành, chung thủy của chú chó mà ta nuôi.	1,0

		<p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời được 1 ý tương đương như đáp án: 0,5 điểm - Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm 	
	4	<p>Để tạo ra sức thuyết phục, tác giả đã dùng lối lập luận tương phản:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Ở luận điểm thứ nhất, tác giả đã đưa ra hàng loạt các dẫn chứng để cho thấy rằng: lòng người là dễ thay đổi, những người thân yêu, gần gũi với ta nhất, những người mà ta hết lòng thương yêu có thể một ngày nào đó sẽ rời xa, sẽ vô ơn, bội bạc, thậm chí trở thành kẻ thù của ta. Những tiền tài, danh vọng mà ta đã lao tâm khổ tứ để có được có thể sẽ biến mất đi trong chốc lát. – Đối lập với những cái dễ thay đổi, dễ mất đi ấy, chính là tình cảm mà những chú chó dành cho con người, đó là một thứ tình cảm lâu bền, thủy chung như nhất, trước sau không hề thay đổi. Để tạo cơ sở cho luận điểm này, tác giả đã đưa ra một loạt các dẫn chứng, các dẫn chứng này đều tương phản với các dẫn chứng ở luận điểm thứ nhất, có nghĩa là, những điều mà con người có thể không tìm thấy ở con người, ở công danh, tiền bạc, thì con người có thể tìm thấy nó ở một con chó trung thành: nó luôn bên cạnh ta, yêu thương ta bất chấp mọi hoàn cảnh, bất chấp địa vị sang hèn, cuộc sống giàu sang hay nghèo khó. Kể cả khi ta đã ra đi, mọi người đã quên lãng ta, thì chú chó vẫn luôn nhớ về ta. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời tương đương như đáp án được 1/2 số ý: 0,5 - 0,75 điểm - Trả lời tương đương như đáp án được 1/3 số ý: 0,25 - 0,5 điểm - Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm. 	1,0
	5	<p>Học sinh được tự do rút ra bài học, miễn là hợp lí và liên quan đến nội dung đoạn trích. Tham khảo:</p> <p>Cần biết sống yêu thương người khác, cho dù họ có ở vào hoàn cảnh nào, địa vị nào.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời tương đương như đáp án 2 ý: 0,75 điểm - Trả lời tương đương như đáp án 1 ý: 0,5 điểm - Trả lời không đúng hoặc không trả lời: 0,0 điểm. <p>(Lưu ý: HS có thể có cách diễn đạt khác, miễn là lí giải hợp lí, thuyết phục thì vẫn cho điểm)</p>	1,0
II		VIẾT	6,0
	1	<p>Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về tác hại của thói phản bội.</p>	2,0
		<p>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn</p> <p>Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.</p>	0,25
		<p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>Phân tích ngắn gọn đặc điểm chung của ba nhân vật Lưu Bị, Quan Công, Trương Phi trong văn bản.</p>	0,25
		<p>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: Hiệu quả của việc đặt điểm nhìn vào nhân vật Việt trong đoạn trích trên: <ul style="list-style-type: none"> – Phản bội là việc một người có những suy nghĩ và hành động đi ngược lại với tình cảm và lòng tin tưởng mà người khác đã dành cho mình. – Phản bội khiến cho người bị phản bội tổn thương sâu sắc, gây đổ vỡ các mối quan hệ. 	0,5

		<ul style="list-style-type: none"> – Kẻ có lòng phản bội sẽ khiến cho người khác mất tin tưởng, ghét bỏ, coi thường, thậm chí nuôi lòng thù hận. – Kẻ phản bội sẽ không có được một đời sống tâm hồn thanh thản. 	
		<p><i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận: - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. - Trình bày rõ quan điểm hệ thống các ý - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng. 	0,5
		<p><i>đ. Diễn đạt</i></p> <p><i>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn</i></p>	0,25
		<p><i>e. Sáng tạo</i></p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,25
	2	Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày ý kiến của anh/ chị về việc sống có kỉ luật.	4,0
		<p><i>a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài</i></p> <p>Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội</p>	0,25
		<p><i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i></p>	0,5
		<p><i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được các ý chính của bài viết - Sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: <p>* Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề.</p> <p>* Triển khai vấn đề nghị luận:</p> <p>1. Giới thiệu tác giả, tác phẩm và nêu vấn đề nghị luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Giới thiệu tác giả, tác phẩm: Thạch Lam (1910-1942) tên khai sinh là Nguyễn Tường Lân, là một người đôn hậu và rất đổi tình tế, ông có quan điểm văn chương lành mạnh tiến bộ và có biệt tài về truyện ngắn. Truyện ngắn của Thạch Lam thường có sự hòa quyện giữa hai yếu tố hiện thực và lãng mạn trữ tình. Cho nên truyện ngắn của ông thường không có cốt truyện đặc biệt, mỗi truyện ngắn giống như một bài thơ trữ tình đượm buồn. Truyện ngắn “Hai lần chết” được in trong tập “Gió đầu mùa”, là một trong những truyện ngắn đặc sắc của ông. – Nêu vấn đề nghị luận: Phân tích hình tượng nhân vật Dung. <p>2. Triển khai vấn đề nghị luận:</p> <p>2.1. Phân tích nhân vật Dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Dung là một cô gái có tuổi thơ bất hạnh. Sinh ra trong lúc gia đình đã đông con, lại nghèo túng, Dung bị mọi người hờ hững, lạnh nhạt. – Lớn lên, số phận của Dung lại càng bi đát: + Dung bị mẹ ép gả cho người ta để lấy mấy trăm đồng bạc hồi môn. Đây thực sự là một cuộc bán con chứ không phải cưới hỏi. + Cuộc sống ở nhà chồng thật ngọt ngào: chồng thì còn trẻ con, chỉ mãi vui chơi; mẹ chồng ác nghiệt, các em chồng đều ghê gớm; Dung phải làm lụng đầu tắt mặt tối hơn cả một đứa ở. + Vì không chịu nổi cảnh sống đó, Dung đã bỏ về nhà mẹ đẻ, nhưng mẹ đẻ không dung chứa. Cùng đường, Dung đã nhảy xuống sông tự vẫn nhưng lại được cứu sống. + Cuối cùng, không còn cách nào khác, Dung đành phải quay trở lại nhà mẹ chồng, chốn địa ngục trần gian. Đây mới thực sự là cái chết của cuộc đời Dung, chết khi còn sống. <p>2.2. Tư tưởng nhà văn gửi gắm qua nhân vật:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Đồng cảm xót thương đối với những người phụ nữ có số phận bất hạnh, nhất là người phụ nữ trong xã hội cũ. – Phê phán lối hôn nhân ép buộc. – Phê phán những kẻ sống vô cảm, tàn nhẫn, ác độc. 	1,0

	3. Đánh giá khái quát vấn đề ở đề bài.* Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân	
	<p><i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Triển khai được ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng. <p>Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	
	<p><i>đ. Diễn đạt</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.</p>	0,25
	<p><i>e. Sáng tạo</i></p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	
Tổng điểm		10,0

ĐỀ THI BÁM SÁT CẤU TRÚC
ĐỀ MINH HỌA TỐT NGHIỆP THPTQG 2025
MÔN NGỮ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề
(Đề thi gồm có 02 trang)

CD – KNTT - CTST



ĐỀ MINH HỌA SỐ 8

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

(1) Những mặt đá phập phồng như giọt máu Đang neo chặt lại giữa biển trời
Những cánh chim bay mát lành mát cát Nhịp bồi hồi cùng nhịp trái tim tôi

Trường Sa dữ dằn sóng gió chẳng xa xôi Lá phong ba xanh mắt người lính đảo Cát Trường Sa
trắng màu vai áo
San hô đỏ màu máu đỏ
Chảy nồng nàn từ dòng máu mẹ cho

(2) Anh đã mang về từ Trường Sa những tấm ảnh hiện lên từ lốc cát Từ bão xô gió giật
Từ sương mù đậm đặc Từ khói súng bất ngờ [...]
Như người lính kiên nhẫn lặng im
Anh đặt tay lên nút bấm máy ảnh như đặt vào cò súng Trường Sa trời lên, Trường Sa chìm
xuống
Trái tim đã chọn đúng tâm nhìn
Trường Sa đây một dáng đứng yêu thương

Những tấm ảnh treo ở phố Ngô Quyền Đâu còn là của riêng người nghệ sĩ
Trường Sa đau thương, Trường Sa gian khổ Gần kề vừa trong một cánh tay ôm.

(Trích: *Những tấm ảnh Trường Sa*, Nguyễn Thành Phong, nguồn: Kho âm thanh,
Đài TNVN)

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5 (trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Xác định thể thơ của văn bản?

Câu 2. Những hình ảnh nào về thiên nhiên Trường Sa được tác giả nói tới trong đoạn (1)?

Câu 3. Anh/ chị hiểu được điều gì về cuộc sống của người lính Trường Sa qua các dòng thơ:

Anh đã mang về từ Trường Sa những tấm ảnh hiện lên từ lốc cát

Từ bão xô gió giật

Từ sương mù đậm đặc Từ khói súng bất ngờ.

Câu 4. Tác giả thể hiện cảm xúc gì đối với quần đảo Trường Sa và những người lính Trường Sa?

Câu 5. Từ nội dung văn bản, anh/ chị có suy nghĩ gì về trách nhiệm của tuổi trẻ hôm nay đối với đất nước?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích ngắn gọn giá trị tư tưởng của truyện ngắn sau:

Một buổi tối mùa đông, chúng tôi ngồi trước lò sưởi, trong một căn buồng ấm áp. Tự nhiên trong câu chuyện, một người nói đến những cơn giận tự nhiên đến tràn ngập cả tâm hồn ta và có khi

gây nên nhiều cái kết quả không hay. Rồi mỗi người đều bày tỏ ý kiến riêng của mình. Anh Thanh, từ nãy đến giờ vẫn lặng yên có vẻ trầm ngâm, cất tiếng nói:

– Sự giận dữ có thể sai khiến ta làm những việc nhỏ nhen không ai ngờ. Tôi biết hơn ai hết, vì chính tôi đã trải qua sự đó. Tôi sẽ kể các anh nghe một câu chuyện mà cái kỷ niệm còn in sâu trong trí nhớ tôi.

- Cũng một buổi chiều mùa đông như hôm nay, tôi ở tòa báo ra về, trong lòng chán nản và buồn bực. Có những ngày mà tự nhiên không hiểu tại sao, ta thấy khó chịu, và hay gắt gỏng, không muốn làm việc gì. Tôi đang ở vào một ngày như thế mà chiều trời hôm ấy lại ảm đạm và rét mướt càng khiến cho cảm giác đó rõ rệt hơn. Tôi đi vài bước trên con đường phố vắng người. Một cái xe tay dăng xa đi lại, anh phu xe co ro vì rét, hai tay giấu dưới manh áo tơi tàn. Theo lệ như mọi khi, tôi mặc cả: *GV: Triệu Thị Phương Thúy*

- Xe đi không? Bốn xu về gần nhà bò Yên Phụ. – Thầy cho sáu xu.

- Không, bốn xu là đúng giá rồi.

Tôi vừa nói vừa bước đi. Người phu xe đã có tuổi, cứ kéo cái xe theo sau tôi mà lăm lăm: “Bốn đồng xu từ đây về nhà bò”. Cái tiếng nhà bò anh ta nhắc đi nhắc lại làm cho tôi khó chịu. Tôi biết đó là một cách của các phu xe cứ đi theo sau khách để làm cho người ta bực tức, tôi lại càng ghét và quay lại gắt:

- Có đi hay không thì thôi! Đừng có theo sau người ta mà lải nhải.

Thấy tôi gắt, người phu xe đứng lại, không dám theo nữa. Nhưng để tôi đi một quãng xa, anh ta ới gọi:

- Lại đây đi mà.

Rồi anh ta hạ càng xe xuống, cứ đứng yên chỗ ấy đợi chứ không kéo lại phía tôi. Cái cử chỉ ấy làm tôi sinh ghét thêm, đã toan không đi, nhưng lúc ấy không có cái xe nào khác. Tôi giận dữ bước mạnh lên xe, vừa mắng:

- Anh thật là lăm chuyện, không đi ngay lại còn vẽ. Anh xe cãi lại:

- Từ đây về đây thầy cho được bốn đồng xu thật rẻ quá! – Thì ai bảo anh đi? Không có tôi đã gọi xe khác.

Người phu xe khễ thở dài, yên lặng nhắc xe lên. Lúc bấy giờ tôi mới ngả mình ra phía sau, nhưng thấy cái đệm cứng như gỗ đập vào lưng, tôi cúi xuống bên nhìn cái tay xe. Tôi đoán không sai, chính là một cái xe hiệu “con lợn”, cái tên hiệu cũng xứng đáng một hạng xe tàng ở ngoại ô mà tôi vẫn phải đi. Anh xe này đã vào đây kéo trộm, vì xe ngoại ô không được phép vào thành phố đón khách, nếu không tuân lệnh thì bị phạt từ ba đến bốn đồng bạc. Sự tơi tàn của cái xe làm tôi càng ghét anh xe nữa.

- Xe khổ thế này mà anh lại còn đòi cao giá. – Xe thế mà thầy chê thì còn thế nào nữa!

Anh xe bướng bỉnh cũng không chịu kém. Tôi nói câu gì là anh ta đối lại liền. Sau cùng, giận quá, tôi dẫm mạnh chân xuống sàn xe, gắt:

- Thôi, cầm họng đi, đừng lải nhải nữa.

Sự giận dữ làm cho tôi quên rằng anh xe cũng chỉ có trả lời những câu mắng của tôi mà thôi, và chính tại tôi gắt với anh ta nhiều quá. Nhưng lúc bấy giờ tôi chỉ thấy tức người xe ấy đến cực điểm, vì hấn dấm cãi lại tôi mà không sợ.

Xe đi khỏi nhà máy nước thì gặp một người đội xếp tây đi xe đạp lại, theo sau một người đội xếp ta. Tôi nhận thấy anh xe kéo tôi có ý luống cuống và sợ hãi. Có lẽ vì thế mà người cảnh sát để ý, đi giáp vào cái xe kéo để xem dấu hiệu.

- Ê! Đứng lại!

Người kéo xe dừng chân... Anh ta quay lại tôi hốt hải van xin: – Lạy thầy... thầy nói giúp con... thầy làm ơn...

Dưới ánh đèn tôi thấy mặt anh xe tái mét. Những vết răn in sâu xuống trên mặt già nua hốc hác, chân tay người khốn nạn ấy run bật lên và tôi thấy cái rung động chuyển cả vào chiếc thân xe.

Người cảnh sát tây đến, nói bằng tiếng ta hơi sôi: – Mày chết nhé! Mày sẽ bị phạt!
Người phu xe ập úng nói thì ông ta khoát tay bảo im, rồi quay lại tôi hỏi, lần này bằng tiếng Pháp.

- Người này kéo ông từ trong phố ra hay ông đi khứ hồi?

Tôi liếc mắt nhìn anh kéo xe. Trong bóng tối của vành nón qua ngang mặt, tôi thấy hai mắt anh ta long lanh nhìn tôi, như khẩn cầu van xin yên lặng. Tôi biết lời nói của tôi sẽ làm anh ta bị bắt hay không. Những khi nói chuyện với các phu xe khác, tôi được biết rằng nếu người khách nói là đi khứ hồi từ ngoại ô, thì người xe không việc gì. Nhưng lúc ấy, lời van xin của anh xe kia không làm cho tôi động lòng, mà lại làm cho tôi ghét anh thêm. Tôi trả lời người đội xếp:

- Tôi đi từ phố hàng Bún. – Vậy phiền ông xuống xe.

Rồi anh ta nhìn anh phu xe, cười một cách tinh quái: – Allez! Đi về bót!

Khi anh phu xe run sợ và hai người cảnh sát đã khuất đầu phố, tôi mới quay đi thông thả trên bờ hè. Cơn giận của tôi đã hết rồi. Sự hối hận dần thấm thía vào lòng tôi, tôi thấy một cái chán nản bực tức rung động trong người.

Tôi rung mình nghĩ đến số phận của anh xe khổ nạn. Ba đồng bạc phạt! Anh ta phải vay cai xe để nộp phạt; nhưng ba đồng bạc nợ ấy, bao giờ anh ta trả xong, sau những ngày nhịn đói, bị cai xe hành hạ, đánh đập vì thù hận?

Tôi càng nghĩ đến bao nhiêu lại càng khinh bỉ tôi bấy nhiêu. Qua ô Yên Phụ, nhìn thấy những thợ thuyền tấp nập làm việc dưới ánh đèn trong những căn nhà lá lụp xụp, tôi rảo bước đi mau, hình như trông thấy tôi họ sẽ biết cái hành vi khổ nạn và nhỏ nhen đáng bỉ của tôi ban nãy.

Những ngày hôm sau thực là những ngày khổ cho tôi. Lòng hối hận không để tôi yên. Hình như có một cái gì nặng nề đè nén trên ngực làm cho tôi khó thở, và lúc nào hình ảnh anh phu xe cũng hiển hiện ra trước mắt.

[...]

(Trích: **Một cơn giận**, Thạch Lam, in trong tập Gió đầu mùa, Nxb Đời nay, Hà Nội, 1937)

Câu 2. (4 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày ý kiến của anh/ chị về vấn đề: *nên sử dụng thời gian rảnh rỗi như thế nào cho hợp lí?*

----- HẾT -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Giám thị không giải thích gì thêm.
- GV: Triệu Thị Phương Thúy

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 8

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Thể thơ: Tự do. Hướng dẫn chấm: - Trả lời như đáp án: 0,5 điểm - Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm.	0,5
	2	Những hình ảnh về thiên nhiên Trường Sa được tác giả nói tới trong đoạn (1) là: đá, cánh chim, sóng gió, lá phong ba, cát, san hô. Hướng dẫn chấm: - Trả lời như đáp án hoặc dẫn câu văn khác đúng yêu cầu (lời của người kể chuyện và lời của nhân vật): 0,5 điểm - Trả lời đúng 1 ý: 0,25 điểm - Trả lời không đúng hoặc không trả lời: 0,0 điểm	0,5
	3	Qua các dòng thơ:	1,0

	<p>Anh đã mang về từ Trường Sa những tấm ảnh hiện lên từ lớp cát Từ bão xô gió giạt Từ sương mù đậm đặc Từ khói súng bất ngờ</p> <p>Ta thấy được cuộc sống gian khổ của những người lính Trường Sa: họ thường xuyên phải đối mặt với thiên nhiên khắc nghiệt, dữ dội, đối mặt với kẻ thù.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời được 1 ý tương đương như đáp án: 0,5 điểm - Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm 	
4	<p>Tác giả thể hiện cảm xúc yêu thương tha thiết với quần đảo Trường Sa; thể hiện sự đồng cảm đối với những gian khổ mà người lính Trường Sa phải đối mặt, đồng thời cũng tự hào về họ.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời tương đương như đáp án được 1/2 số ý: 0,5 - 0,75 điểm - Trả lời tương đương như đáp án được 1/3 số ý: 0,25 - 0,5 điểm - Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm. 	1,0
5	<p>Suy nghĩ về trách nhiệm của tuổi trẻ hôm nay đối với đất nước:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuổi trẻ là chủ nhân tương lai của đất nước, do vậy, cần có trách nhiệm với đất nước. - Tuổi trẻ cần ra sức học tập để mai này cống hiến cho đất nước; biết hy sinh khi Tổ quốc cần; biết quảng bá hình ảnh của đất nước với bạn bè quốc tế. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời tương đương như đáp án 2 ý: 0,75 điểm - Trả lời tương đương như đáp án 1 ý: 0,5 điểm - Trả lời không đúng hoặc không trả lời: 0,0 điểm. <p>(Lưu ý: HS có thể có cách diễn đạt khác, miễn là lí giải hợp lí, thuyết phục thì vẫn cho điểm)</p>	1,0
II	VIẾT	6,0
1	<p>Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích ngắn gọn giá trị tư tưởng của truyện ngắn “Một cơn giạt”.</p>	2,0
	<p>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn</p> <p>Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.</p>	0,25
	<p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>Phân tích ngắn gọn đặc điểm chung của ba nhân vật Lưu Bị, Quan Công, Trương Phi trong văn bản.</p>	0,25
	<p>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: Hiệu quả của việc đặt điểm nhìn vào nhân vật Việt trong đoạn trích trên: <ul style="list-style-type: none"> - Nhân vật Thanh vì một cơn giạt vô cớ đã đẩy người phu xe nghèo khổ vào hoàn cảnh bi đát: bị cảnh sát bắt về bóp và bị phạt một số tiền lớn mà anh ta sẽ không thể trả nổi. Điều đó đã khiến Thanh rơi vào tâm trạng day dứt, đau khổ, ân hận mãi về sau này. - Truyện chứa đựng trong nó giá trị tư tưởng sâu sắc: <ul style="list-style-type: none"> + Mỗi con người chúng ta, trong mọi hành xử của cuộc sống, cần phải biết kiểm soát cảm xúc của mình. Đừng để cảm xúc lấn át lí trí, dẫn đến gây tổn hại cho người khác và cũng khiến cho bản thân không thể sống thanh thản. + Truyện cũng cho ta thấy được tấm lòng nhân đạo của nhà văn Thạch Lam: đồng cảm với những con người cùng khổ như anh phu xe, đồng 	0,5

		<p>thời lên án những thói hành xử nhảm tâm trong cuộc sống. + Từ truyện ngắn trên, ta nhận thức được rằng mình cần biết sống bao dung và rộng lượng hơn.</p>	
		<p><i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận: - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. - Trình bày rõ quan điểm hệ thống các ý - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.</p>	0,5
		<p><i>đ. Diễn đạt</i> <i>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn</i></p>	0,25
		<p><i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,25
	2	<p>Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày ý kiến của anh/ chị về việc sống có kỉ luật.</p>	4,0
		<p><i>a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài</i> Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội</p>	0,25
		<p><i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i></p>	0,5
		<p><i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết</i> - Xác định được các ý chính của bài viết - Sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: * Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề. * Triển khai vấn đề nghị luận: 1. Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm cá nhân về vấn đề: – Nên sử dụng thời gian rảnh rỗi như thế nào cho hợp lí? – Đây là một vấn đề rất cần được quan tâm, nhất là trong bối cảnh xã hội ngày nay. 2. Triển khai vấn đề nghị luận: 2.1. Giải thích: – Thời gian rảnh rỗi được hiểu là khoảng thời gian mà chúng ta không dùng để học tập và làm việc. – Sử dụng hợp lí nghĩa là chúng ta cần tận dụng khoảng thời gian này như thế nào để nó đem lại lợi ích cho bản thân cũng như cho người khác. 2.2. Nên sử dụng thời gian rảnh rỗi như thế nào cho hợp lí? – Nên sử dụng thời gian rảnh rỗi để tích lũy, nâng cao kiến thức: đọc sách, học thêm một ngoại ngữ, tập một loại nhạc cụ,... – Nên sử dụng thời gian rảnh rỗi để suy ngẫm về bản thân, từ đó chúng ta sẽ hiểu hơn về chính mình, tìm ra được đam mê của mình, có được định hướng rõ ràng và hợp lí hơn cho tương lai. – Sử dụng thời gian rảnh rỗi để bên cạnh quan tâm, chăm sóc những người mà mình thương yêu, giúp cho các mối quan hệ ngày một thêm bền chặt. – Sử dụng thời gian rảnh rỗi để tham gia các hoạt động vì cộng đồng. – Thời gian rảnh rỗi cũng là thời gian, vì vậy, khi sử dụng nó, chúng ta cũng cần biết phân chia, lên kế hoạch sử dụng một cách khoa học. 2.3. Những việc không nên làm khi rảnh rỗi: – Sa đà vào những thú giải trí không lành mạnh. – Dùng thời gian rảnh rỗi để tụ tập đàn đúm, nói xấu người khác. 3. Rút ra bài học cho bản thân: – Ý thức được tầm quan trọng và sự hữu hạn của thời gian. – Lên kế hoạch để sử dụng thời gian rảnh rỗi một cách hợp lí và hữu ích nhất.</p>	1,0

	<p>* Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân</p>	
	<p><i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Triển khai được ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng. <p>Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	
	<p><i>đ. Diễn đạt</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.</p>	0,25
	<p><i>e. Sáng tạo</i></p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	
Tổng điểm		10,0

ĐỀ THI BÁM SÁT CẤU TRÚC
ĐỀ MINH HỌA TỐT NGHIỆP THPTQG 2025
MÔN NGỮ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề
(Đề thi gồm có 02 trang)

CD – KNTT - CTST



ĐỀ MINH HỌA SỐ 9

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Cánh buồn trôi như một sự vô tình
Trên dòng sông chiếc sà lan chìm một nửa
Giàn mướp trước nhà đã đổ
Hoa mướp vàng vô tư
Ngọn rau sam trên gạch vỡ vẫn chua
Cây mào gà nhớn nhोर trước gió...
Và chúng tôi đi trên gạch vỡ
Không khóc than như thể chẳng đau thương.

Chúng tôi hiểu sâu xa về sự vật quanh mình
Cánh buồn trôi cho dòng sông sống lại
Hoa mướp vàng để dựng giàn mướp dậy
Rau sam chua cho đất biết đất đang còn...
Người chết sẽ chẳng bằng lòng nếu chúng tôi quá đau thương
Chúng tôi sống thay cho người đã chết.

Hải Phòng, 1-9-1972

(Trích: *Những sự vật còn sống*, Xuân Quỳnh, in trong *Không bao giờ là cuối*,
Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội, 2017)

Thực hiện các yêu cầu từ 1 đến 5 (trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Văn bản trên được viết theo thể thơ nào?

Câu 2. Xác định dạng thức xuất hiện của chủ thể trữ tình ở văn bản trên?

Câu 3. Phân tích tác dụng của biện pháp lập cấu trúc trong ba dòng thơ sau:

Cánh buồn trôi cho dòng sông sống lại Hoa mướp vàng để dựng giàn mướp dậy Rau sam chua cho đất biết đất đang còn...

Câu 4. Xác định chủ đề của văn bản?

Câu 5. Từ nội dung văn bản, anh/ chị có suy nghĩ gì về sức mạnh của tinh thần lạc quan trong cuộc sống?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích ngắn gọn những đặc điểm nổi bật của hình tượng nhân vật “tôi” trong văn bản sau:

(Lược một đoạn: nhân vật xưng “tôi” – là một nhà văn – mời mấy người bạn văn về nhà mình chơi, rồi sau đó cứ buồn bực mãi vì đã để cho bạn bè thấy căn nhà tồi tàn như túp lều của mình. Từ lâu, nhân vật “tôi” đã có ý định làm một cái nhà mới, nhưng kinh tế eo hẹp, mà giá tre gỗ thì cứ vùn vụt tăng lên. Thế rồi một trận bão đến, căn nhà bị đổ sập. Trong cơn quần bách, nhân vật “tôi” cùng vợ quyết định đánh liều vay mượn để làm nhà mới).

Nhưng sau một trận bão, không thiếu gì người phải nghỉ liều như tôi. Cũng vì thế mà tôi đã mua được một cái nhà rẻ quá,... Một cái nhà gỗ, có ba trăm bạc. Giá phải, thì năm trăm. May cho tôi lắm. Thì tôi tính: làm nhà tre bây giờ cũng tốn hai trăm đồng.

Kẻ bán nhà là một kẻ nhiều công nợ. Anh ta goá vợ. Anh ta phải nuôi hai đứa con thơ dại. Anh ta lại mới thua xóc đĩa ba, bốn canh mất tất cả đến hai trăm đồng bạc. Nợ người ta đòi rất quá. Trông vào mấy sào mía để bán đi trang trải thì mía đã bị bão làm cho đi tong cả. Anh ta tìm tôi và bảo tôi thế này:

– Tôi nghe nói: chú định làm nhà. Làm nhà tre bây giờ cũng phải hai trăm đồng bạc. Chú cố gắng lên chút nữa, tôi để cái nhà gỗ nhà tôi cho.

– Bao nhiêu thì bác bán? – Ba trăm, đúng.

Cái giá này hơi lắm. Thấy bảo hãn thật thà, tôi ái ngại. Tôi hỏi hãn: – Bác bán đi làm gì?

– Chẳng làm gì sốt. Tôi trót thua cay quá, chết thì chết, tôi cũng còn phải gỡ. Trường vốn thì dễ gỡ. Tôi bán cái nhà, lấy vài trăm đồng để gỡ vài canh, xem thế nào.

À! Nếu vậy thì tôi chưa lấy chi làm liều. Vay nợ lãi mà mua nhà là một cái liều bắt buộc. Bán nhà để gỡ bạc mới là một cái liều thực mạng. Đã liều thì phải chết. Chẳng chết vì tay tôi thì chết vì tay người khác. Dù vậy, tôi cũng chưa nỡ cầm dao đâm hãn. Thành thực hay giả trá? Tôi đã can kẻ liều lĩnh kia:

– Tôi tưởng bác không muốn ở nhà, hoặc cần tiền buôn bán thì mới bán nhà, chứ nếu chỉ bán để đi đánh bạc thôi thì tôi can bác. Vào chiếu bạc, khó mà biết trước, tôi chỉ sợ gỡ ra chẳng được, bác lại bậm mãi vào thì sao?

– Không có lí nào như vậy. Trước tôi thua, chỉ vì ít vốn, không dám đuổi. Trường vốn, không đời nào thua. Chú lấy giùm được là phần nhất, bởi vì tôi biết tiền chú sẵn, có thể xếp cho tôi chóng vánh. Nếu như không muốn lấy thì tôi để cho người khác.

Tôi ngẫm nghĩ: hãn đã muốn chết thì cho hãn chết. Tôi có quyền gì mà cấm hãn? Hãn không bán cho tôi thì bán cho người khác. Tôi để lỡ một dịp tốt là tôi ngu. Vậy thì tôi mua cái nhà.

Tôi chạy ngược chạy xuôi. Chỗ thì lãi năm phân. Chỗ thì lãi sáu phân. Cùng quá, tám phân cũng lấy liều. Chỉ hôm sau là tôi đã có đủ ba trăm bạc. Đồi bên làm giấy má xong xuôi. Tôi trao tiền cho hãn. Vợ tôi đi mượn thợ để ngày mai dỡ nhà.

Chưa có thợ. Sau ngày bão, thợ làm nhà bận lắm. Cái nhà ba bốn hôm sau vẫn chưa dỡ được. Một người bà con với tôi, một buổi tối đến nhà ông nhạc tôi mà bảo tôi:

– Anh nên liệu dỡ phứt về. Ba trăm bạc của anh, nó nường hết cả rồi. Vừa ở nhà ra, chúng nó biết nó có một số tiền to, chúng nó đã thọt cu cậu hơn trăm bạc. Cu cậu còn nhiều nợ lắm. Vườn cũng cố mất rồi. Nếu anh không dỡ nhà ngay, nó thua quá, đi đâu mất sợ lôi thôi cho mình. Có thể. Nếu tôi chậm dỡ, sợ người khác hốt tay trên. Đã đành rằng mình mua bán có làm văn tự. Nhưng tiền tôi đã cạn. Không lẽ lúc ấy còn kiện nhau. Vậy tôi phải cố thuê cho được thợ. Chỉ ngày mai là dỡ luôn.

Ngày hôm sau, chúng tôi đến nhà hãn thì thấy hãn đang nằm thườn trên một cái giường tre, chiếu rách và bẩn thiu. Đứa bé ngồi ngay dưới đất ôm lấy cái chân giường, rên. Nó đau bụng từ sáng sớm. Đứa con lớn vừa cạo nhạo vừa đấm lưng em thùm thụp. Tôi chào hãn. Hãn khẽ hé môi đáp lại. Chúng tôi nhìn nhau ngượng nghịu như hai kẻ thù nhìn nhau. Sao lại thế? Tôi không dám nhìn lâu hai đứa con của hãn. Hình như tôi thẹn với lòng tôi thế nào...

Tôi nhìn xuống đất mà bảo hãn:

– Bác làm ơn cho tôi dọn đồ đạc để cho người ta dỡ... Hãn cười chua chát:

– Đồ đạc thì có gì mà dọn? Chỉ có một cái giường này. Cứ quăng bỏ nó ra ngoài kia cho tôi, rồi dỡ đi.

Hãn đứng dậy mà bảo con:

– Chúng mày cũng đứng lên. Sang nhà bác Vi năm nhờ.

Con chị phải quát, gắt gỏng với em một lúc, hai đứa mới lệch thếch công được nhau sang nhà bác Vi. Vẫn một đứa lụ lụ bà lụ lụ, một đứa oằn oại rên la. Thợ trèo lên mái, dỡ tranh quăng xuống. Tôi ngồi ở sân, trông họ.

Một lúc sau, chẳng biết đã gửi em cho ai được, đứa con gái lân la gần tôi, xem dỡ nhà. [...]

Những mè, rui đã xong rồi. Người thợ mộc bắt đầu tháo gỗ. Tiếng dùi đục kêu chan chát.

Những tiếng rầm chắc vang lên, lộng óc. Tôi thấy con bé bưng mắt. Nó không nhe răng ra nữa.

Đôi môi nó bụm lại. Hai má nó phình ra một chút. Cứ thế, nó chẳng nói chẳng rằng, chạy bình bịch sang nhà hàng xóm. Nó định làm gì vậy? Lòng tôi thắc mắc nỗi lo không rõ rệt. Bỗng tôi nghe một tiếng trẻ con khóc nức nở và hờ:

– Mẹ ơi!...

Tim tôi động một cái giống như bước hụt. Rồi nó đập loạng choạng. Tôi hơi lão đảo. Bây giờ thì tôi không lẫn trốn những ý nghĩ của tôi được nữa. Tôi ác quá! Tôi ác quá! Tôi phải thú với tôi nhiều rồi...

Phải, tôi ác quá... Rồi đây, hối hận sẽ toả một bóng đen vào trong cái nhà mới của tôi, rộng rãi và sạch sẽ hơn cái trước. Những chiều đông lạnh lẽo, một con thạch sùng nấp trên một cái xà ngang, sẽ tặc lưỡi nhắc cho tôi biết: Tôi ác quá! Tôi ác quá!... Nhưng mà thôi...! Nghĩ ngợi làm gì nữa? Ở cảnh chúng ta lúc này, hạnh phúc cũng chỉ là một cái chăn hẹp. Người này co thì người kia bị hở. Đâu phải tôi muốn tệt? Nhưng biết làm sao được? Ai bảo đời cứ khắt khe vậy? Giá người ta vẫn có thể nghĩ đến mình mà chẳng thiệt gì đến ai! ...

(Trích: **Mua nhà**, Nam Cao, in trong *Tuyển tập Nam Cao*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2002)

Câu 2. (4 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về tác hại của tệ nạn cờ bạc.

----- HẾT -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Giám thị không giải thích gì thêm.
- GV: Triệu Thị Phương Thúy

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 9

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Văn bản trên được viết theo thể thơ: Tự do Hướng dẫn chấm: - Trả lời như đáp án: 0,5 điểm - Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm.	0,5
	2	Dạng thức xuất hiện của chủ thể trữ tình: Xuất hiện trực tiếp (chúng tôi) Hướng dẫn chấm: - Trả lời như đáp án hoặc dẫn câu văn khác đúng yêu cầu (lời của người kể chuyện và lời của nhân vật): 0,5 điểm - Trả lời đúng 1 ý: 0,25 điểm - Trả lời không đúng hoặc không trả lời: 0,0 điểm	0,5
	3	Tác dụng của biện pháp lập cấu trúc trong ba dòng thơ sau: Cánh buồn trôi cho dòng sông sống lại Hoa mướp vàng để dựng giàn mướp dậu Rau sam chua cho đất biết đất đang còn... – Tạo nhịp điệu cho bài thơ. – Khẳng định sự sống là không thể hủy diệt: cánh buồn trôi cho biết dòng sông vẫn chảy, hoa mướp vẫn nở vàng dù giàn mướp đổ, rau sam vẫn chua trên mặt đất bị tàn phá. Sự sống vẫn vươn lên mạnh mẽ bất chấp mọi hoàn cảnh.	1,0

		<p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời được 1 ý tương đương như đáp án: 0,5 điểm - Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm 	
	4	<p>Chủ đề của bài thơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Giữa đạn bom tàn khốc, những sự vật nếu còn được sống sẽ vẫn cứ tồn tại đúng như những gì nó đã từng có, không một tác động nào dù ghê gớm đến đâu có thể thay đổi hay khuất phục được. – Và con người cũng vậy. Khi một người ngã xuống, những người sống sẽ không vì thế mà bi lụy. Họ sẽ tiếp tục sống một cách hiên ngang và dũng cảm, tiếp tục chiến đấu, tiếp nối sự nghiệp vinh quang của những người đã khuất. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời tương đương như đáp án được 1/2 số ý: 0,5 - 0,75 điểm - Trả lời tương đương như đáp án được 1/3 số ý: 0,25 - 0,5 điểm - Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm. 	1,0
	5	<p>Suy nghĩ về sức mạnh của tinh thần lạc quan trong cuộc sống:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Lạc quan nghĩa là luôn nghĩ về những mặt tích cực, tốt đẹp của cuộc sống dù ở trong bất cứ hoàn cảnh nào. – Tinh thần lạc quan giúp chúng ta có đủ sức mạnh để đứng dậy sau mỗi lần thất bại, dám đối mặt và vượt qua những khó khăn, thử thách. Tinh thần lạc quan cũng giúp cho con người có một đời sống vui vẻ và hạnh phúc hơn. Không những thế, nó còn truyền cảm hứng cho người khác. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời tương đương như đáp án 2 ý: 0,75 điểm - Trả lời tương đương như đáp án 1 ý: 0,5 điểm - Trả lời không đúng hoặc không trả lời: 0,0 điểm. <p>(Lưu ý: HS có thể có cách diễn đạt khác, miễn là lí giải hợp lí, thuyết phục thì vẫn cho điểm)</p>	1,0
II		VIẾT	6,0
	1	<p>Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích những đặc điểm nổi bật của hình tượng nhân vật “tôi” trong văn bản.</p>	2,0
		<p>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn</p> <p>Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.</p>	0,25
		<p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>Phân tích ngắn gọn đặc điểm chung của ba nhân vật Lưu Bị, Quan Công, Trương Phi trong văn bản.</p>	0,25
		<p>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận</p> <p>- Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: Hiệu quả của việc đặt điểm nhìn vào nhân vật Việt trong đoạn trích trên:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhân vật “tôi” là một nhà văn nghèo – Nhân vật “tôi” là một người giàu lòng trắc ẩn: + Lo ngại, can ngăn khi người đàn ông bán nhà để đánh bạc. + Thương cảm cho hai đứa trẻ mồ côi mẹ. + Tự dẫn vật mình, tự cho mình là kẻ độc ác vì đã mua căn nhà, khiến cho những đứa trẻ không còn nhà để ở. 	0,5
		<p>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận: - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. - Trình bày rõ quan điểm hệ thống các ý 	0,5

		- Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	
		<i>đ. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn	0,25
		<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
	2	Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày ý kiến của anh/ chị về việc sống có kỉ luật.	4,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài</i> Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i>	0,5
		<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết</i> - Xác định được các ý chính của bài viết - Sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: * Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề. * Triển khai vấn đề nghị luận: 1. Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm cá nhân về vấn đề: – Tệ nạn cờ bạc hiện đang rất phổ biến trong xã hội ngày nay. – Đây là một tệ nạn vô cùng nguy hiểm, cần phải loại bỏ. 2. Triển khai vấn đề nghị luận: 2.1. Giải thích: Tệ nạn cờ bạc là các hành vi lợi dụng trò chơi để cá cược, sát phạt được thua bằng tiền hoặc lợi ích vật chất khác trái với quy định của pháp luật. 2.2. Tác hại của tệ nạn cờ bạc: – Gây tổn thất về vật chất, có thể tới mức không thể cứu vãn được (tán gia bại sản); – Gây lãng phí thời gian, khiến chúng ta không còn thời gian để tập trung vào học tập hoặc làm những công việc có ích; – Gây xói mòn về nhân cách, đánh mất uy tín của bản thân (người cờ bạc thường vay mượn một cách bất chấp để có tiền đánh bạc và thường là không thể hoàn trả được các món nợ đã vay). – Gây tổn hại về sức khỏe (ăn ngủ không điều độ); – Có thể làm tan nát gia đình, đến đường cùng có thể phải đánh đổi cả tính mạng;... 2.3. Nguyên nhân: – Do bản tính lười biếng, muốn giàu có trong chốc lát mà không cần phải lao động vất vả; – Do ham thích cảm giác sát phạt, được thua; – Do ảnh hưởng từ môi trường gia đình hoặc bạn bè; 2.4. Giải pháp khắc phục: – Cần ý thức được tác hại ghê gớm mà tệ nạn cờ bạc gây ra; – Cần nhận thức được giá trị của lao động chân chính; – Cần kết hợp giáo dục gia đình và giáo dục nhà trường, giúp các thanh thiếu niên sớm nhận thức và tránh xa tệ nạn cờ bạc; – Cần có những quy định chặt chẽ về mặt pháp luật, xử lí nghiêm minh những trường hợp vi phạm;... 3. Rút ra bài học cho bản thân * Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân	1,0
		<i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	

	<p>- Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng. Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	
	<p><i>đ. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.</p>	0,25
	<p><i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	
Tổng điểm		10,0

ĐỀ THI BÁM SÁT CẤU TRÚC
ĐỀ MINH HỌA TỐT NGHIỆP THPTQG 2025
MÔN NGỮ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề
(Đề thi gồm có 02 trang)

CD – KNNT - CTST



ĐỀ MINH HỌA SỐ 10

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Trên sân ga của tuyến đường sắt Nikôlai25 có hai người bạn cũ gặp nhau: một người béo, một người gầy. Anh béo vừa ăn ở nhà ga xong, môi láng nhẫy bở như quả đào chín. Người anh ta toát ra mùi rượu nho loại nặng, mùi nước hoa cam. Còn anh gầy thì mới xuống tàu, hai tay linh kính nào vali, nào hộp, nào túi. Người anh ta toát ra mùi thịt ướp, mùi bã cà phê. Sau lưng anh ta là một người đàn bà gầy gò, cằm dài – đó là vợ anh ta, và một cậu học sinh cao lêu nghêu mắt nhú lại – đó là con trai anh ta.

- Porphiri đây à? – anh béo kêu lên, khi vừa nhác thấy anh gầy. – Đúng là cậu ư? Ôi, ông bạn thân mến của tôi! Bao nhiêu đông qua hè lại chúng mình không gặp nhau rồi!

- Trời! – anh gầy sững sốt. – Misa! Bạn từ thuở nhỏ của tôi! Cậu ở đâu ra thế?

Hai người bạn ôm nhau hôn đến ba lần, mắt rưng rưng chăm chăm nhìn nhau. Cả hai đều kinh ngạc một cách đầy thú vị.

- Cậu ạ, – anh gầy bắt đầu nói sau khi hôn xong – Mình quả không ngờ! Đột ngột quá! Nào, cậu nhìn thẳng vào mình xem nào! Ô, trông cậu vẫn đẹp trai như xưa, vẫn lịch thiệp, sang trọng như xưa! Chà, hay thật! À, mà cậu bây giờ thế nào rồi? Giàu không? Lấy vợ chưa? Mình thì có vợ rồi, cậu thấy đấy... Đây, vợ mình đây, Luida, nguyên họ là Vanxenbắc, theo đạo Luyte... Còn đây là con trai mình, Naphanain, học sinh lớp ba. Đây con, bác đây là bạn hồi nhỏ của bố đấy! Cùng học phổ thông với nhau đây.

Naphanain ngập ngừng một lát rồi bỏ chiếc mũ mềm xuống.

- Cùng học phổ thông với bố đấy con ạ! – anh gầy nói tiếp – À này, cậu còn nhớ cậu bị chúng nó trêu chọc thế nào không? Chúng nó gọi cậu là Gêrôxtrát26 vì cậu lấy thuốc lá châm cháy một cuốn sách mượn của thư viện, còn mình thì chúng nó gọi là Ephian27 vì mình hay mách. Hô... hô... Đạo ấy bọn mình trẻ con thật! Đừng sợ con, Naphanain! Con lại gần bác chút nữa nào... Còn đây là vợ mình; nguyên họ là Vanxenbắc... theo đạo Luyte...

Naphanain suy nghĩ một lát rồi nép vào sau lưng bố.

- Đây anh bạn, bây giờ sống ra sao? – anh béo hỏi, nhìn bạn mình với vẻ đầy hoan hỉ. – Làm ở đâu? Thành đạt rồi chứ?

- Ừ, mình cũng có đi làm, anh bạn ạ! Hai năm nay mình là viên chức bậc tám, cũng được mề đay “Xtanixláp”28. Lương lậu chẳng đáng là bao... nhưng mà thôi, thầy kệ nó! Vợ mình dạy nhạc, mình thì làm thêm tẩu thuốc bằng gỗ. Tẩu đẹp lắm cậu ạ! Mình bán một rúp một cái đấy. Nếu ai mua cả chục hay nhiều hơn thì, cậu biết đấy, có bớt chút ít. Cũng cố sống qua loa thế nào xong thôi. Cậu biết không, trước mình làm ở cục, bây giờ thì mình được chuyển về đây, thăng lên bậc bảy cũng trong ngành đó thôi... Mình sẽ làm ở đây. Còn cậu sao rồi? Chắc là cỡ viên chức bậc năm rồi chứ? Phải không?

25 Tuyến đường sắt Nikôlai – đường sắt nối liền Pêtérburg (nay là Lêngingrát) và Maxcôva, được gọi để kỷ niệm Hoàng đế Nga Nikôlai I (1796-1855).

26 Gêrôxtrát – người Hy Lạp, năm 356 trước Công nguyên đã đốt đền Áctêmidá Ephecxcaia để tên mình trở thành bất tử.

27 Ephian (khoảng 500 đến 461 trước Công nguyên) – nhà hoạt động chính trị của Aten thời cổ. Năm 480 trước Công nguyên đã phản bội, chỉ cho quân Ba Tư lối đi vòng qua khe Phennôpinxki. Toán dân binh Xpácta ở Hy Lạp cố bảo vệ khe núi này, đã hy sinh một cách anh hùng.

28 Mễ đay “Xtanixláp” – thứ huân chương dành để thưởng cho các quan chức cơ quan dân sự, ở nước Nga trước Cách mạng.

- Không đâu, anh bạn ạ, cao hơn thế nữa đấy, – anh béo nói. – Mình là viên chức bậc ba rồi... có hai mề đay của Nhà nước.

Anh gầy bỗng đứng tái mét mặt, ngây ra như phỗng đá, nhưng lát sau thì anh ta toét miệng cười mặt mày nhăn nhúm; dường như mắt anh ta sáng hẳn lên. Toàn thân anh ta rúm rỏ, so vai rụt cổ khúm núm... Cả mấy thứ vali, hộp, túi của anh ta như cũng co rúm lại, nhăn nhó... Chiếc cầm dài của bà vợ như dài thêm ra; thẳng Naphanain thì rụt chân vào và gài hết cúc áo lại...

- Dạ, bẩm quan trên, tôi... tôi rất lấy làm hân hạnh ạ. Bạn... nghĩa là bạn... từ thuở nhỏ, thế rồi bỗng nhiên làm chức to thế. Hì hì hì. *GV: Triệu Thị Phương Thúy*

- Thôi, cậu đừng nói thế đi! – anh béo cau mặt. – Sao cậu lại giữ giọng thế? Mình với cậu là bạn từ thuở nhỏ – việc gì cậu lại giữ giọng quan cách thế.

- Dạ bẩm quan... Quan lớn dạy gì kia ạ... – anh gầy cười hì hì, người càng rúm rỏ hơn. – Quan lớn chiếu cố cho thế này là đội ơn mưa móc cho kẻ bần dân đấy ạ... Dạ bẩm quan trên, thưa đây là con trai tôi Naphanain... và vợ là Luida, theo đạo Luyte đấy ạ...

Anh béo định quở trách điều gì thêm, nhưng gương mặt anh gầy toát ra vẻ kính cẩn, lằng lằng hoan hỉ đến mức anh béo cảm thấy buồn nôn. Anh béo ngoảnh mặt đi và đưa tay từ biệt anh gầy. Anh gầy nắm ba ngón tay anh béo, cúi gập mình xuống chào và cười lên như một chú tấu: “Hì hì hì”. Bà vợ mỉm cười. Naphanain kéo chân lại và buông thõng chiếc mũ xuống. Cả ba người đều sững sờ một cách đầy thú vị.

(Trích: **Anh béo và anh gầy**, An-tôn Sê-khốp, in trong Tuyển truyện ngắn An-tôn Sê-khốp, NXB Văn học, Hà Nội, 2001, Tr.101-102)

Thực hiện các yêu cầu từ 1 đến 5 (trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Văn bản trên chủ yếu được kể lại từ điểm nhìn của ai?

Câu 2. Chi tiết nào khiến cho “anh gầy” thay đổi thái độ đối với “anh béo”?

Câu 3. Phân tích những đặc điểm nổi bật của nhân vật “anh gầy” trong văn bản?

Câu 4. Xác định chủ đề của văn bản? (

Câu 5. Từ văn bản trên, anh/ chị có suy nghĩ gì về thói xu nịnh trong cuộc sống?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích ngắn gọn chủ đề của bài thơ sau:

Ngông nghênh tuổi trẻ

vô tình đục rạn chân chim mắt mẹ.

Ngông nghênh tuổi trẻ

vô tình vít còng lưng cha.

Hồn nhiên bước vào ngôi nhà hôn nhân

Cuộc sống lứa đôi

đại ngàn nhiệt đới

Ta bơ vơ đưa trẻ rừng chiều lạc lối

Như thiêu thân

lao vào ánh sáng công danh

Bảy đại... Ba khôn

Một giận... Mười buồn

Đi giữa cõi nhân gian ta như quả non xanh

ủ dất đèn chín ép.

Chuyến tàu đời vừa qua ga Lục Thập

Ngoái lại, ước chi

Đó là BẢN NHÁP.

(Trích: **Bản nháp**, Vân Anh, in trong *Dưới vòm sữa mẹ*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội, 2016)

Câu 2. (4 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về câu nói: Hãy sống như lửa cháy.

----- **HẾT** -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Giám thị không giải thích gì thêm.
- GV: Triệu Thị Phương Thúy

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 10

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Văn bản trên chủ yếu được kể lại từ điểm nhìn của người kể chuyện. Hướng dẫn chấm: - Trả lời như đáp án: 0,5 điểm - Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm.	0,5
	2	Chi tiết khiến cho “anh gầy” thay đổi thái độ đối với “anh béo” là khi “anh gầy” nghe “anh béo” nói về công việc của mình (Mình là viên chức bậc ba rồi... có hai mẽ đay của Nhà nước). Hướng dẫn chấm: - Trả lời như đáp án hoặc dẫn câu văn khác đúng yêu cầu (lời của người kể chuyện và lời của nhân vật): 0,5 điểm - Trả lời đúng 1 ý: 0,25 điểm - Trả lời không đúng hoặc không trả lời: 0,0 điểm	0,5
	3	Phân tích những đặc điểm nổi bật của nhân vật “anh gầy”: – Ngày lúc xuất hiện, tác giả đã miêu tả “anh gầy” với các chi tiết: hai tay linh kinh nào vali, nào hộp, nào túi. Người anh ta toát ra mùi thịt ướp, mùi bã cà phê. Tất cả các chi tiết ấy làm toát lên một cuộc sống nghèo khổ. – “Anh gầy” là người nói nhiều: lúc “anh béo” chưa hỏi gì thì anh đã kể hết về gia cảnh, về công việc của mình. Anh cũng là người bép xép: chính anh khai ra hồi đi học anh là kẻ hay mách. – “Anh gầy” là người có bản tính hèn kém, ưa nịnh bợ: khi nghe bạn mình là viên chức bậc ba, có hai mẽ đay nhà nước, anh tái mét mặt, thái độ khúm núm, thay đổi cách xưng hô. Hướng dẫn chấm: - Trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời được 1 ý tương đương như đáp án: 0,5 điểm - Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm	1,0
	4	Chủ đề của văn bản: Từ tình huống tái ngộ bất ngờ giữa “anh béo” và “anh gầy”, tác giả phê phán những kẻ mang trong mình “tâm lí nô lệ”, hèn nhát, run sợ trước quyền lực, có thói quen bợ đỡ, xu nịnh kẻ bề trên. Hướng dẫn chấm: - Trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời tương đương như đáp án được 1/2 số ý: 0,5 - 0,75 điểm - Trả lời tương đương như đáp án được 1/3 số ý: 0,25 - 0,5 điểm - Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm.	1,0
	5	Suy nghĩ về thói xu nịnh trong cuộc sống: – Xu nịnh là hành vi luồn cúi, bợ đỡ, nịnh nọt để lấy lòng kẻ bề trên, nhằm trục lợi cho mình.	1,0

		<ul style="list-style-type: none"> - Xu nịnh làm cho con người ta trở nên hèn kém, đánh mất lòng tự trọng. - Xu nịnh về bản chất là thói giả dối, nó khiến cho người được xu nịnh ảo tưởng về bản thân. - Thói xu nịnh cũng làm cho sự thực bị che giấu, khiến xã hội chậm phát triển. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời tương đương như đáp án 2 ý: 0,75 điểm - Trả lời tương đương như đáp án 1 ý: 0,5 điểm - Trả lời không đúng hoặc không trả lời: 0,0 điểm. <p>(Lưu ý: HS có thể có cách diễn đạt khác, miễn là lí giải hợp lí, thuyết phục thì vẫn cho điểm)</p>	
II		VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích chủ đề của bài thơ “Bản nháp”.	2,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn</i> Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Phân tích ngắn gọn đặc điểm chung của ba nhân vật Lưu Bị, Quan Công, Trương Phi trong văn bản.	0,25
		<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận</i> - Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: Hiệu quả của việc đặt điểm nhìn vào nhân vật Việt trong đoạn trích trên: + Bài thơ là lời giải bày về sự đại khờ của con người trong những chặng đường của cuộc đời: – Lúc còn tuổi trẻ, vì khờ dại, ta là gánh nặng cho cha mẹ. Sự ngây thơ dại dột, bông bột của tuổi trẻ làm cho cha mẹ thêm già đi. – Khi lớn lên, ta hồn nhiên bước vào cuộc sống hôn nhân mà không có sự chọn lựa kĩ càng, khiến ta không tìm được tiếng nói chung, bơ vơ như đứa trẻ rừng chiều lạc lối. – Rồi ta mù quáng lao vào công danh, sự nghiệp, có khi đánh mất cả chính mình. – Nhìn lại những chặng đường đã qua, ta thấy ta giờ đã 60 mà vẫn chưa trưởng thành, vẫn là một thứ quả ử đất đèn chín ép. – Sự hối tiếc đó khiến ta ước gì quá khứ chỉ là bản nháp, để ta có thể “xé nháp” mà làm lại từ đầu. + Từ đó, bài thơ gửi gắm thông điệp: mỗi con người hãy nên sống một cách cẩn trọng, sâu sắc, có ý nghĩa trong mỗi giai đoạn của cuộc đời, để sau này nhìn lại sẽ không phải hối tiếc.	0,5
		<i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận: - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. - Trình bày rõ quan điểm hệ thống các ý - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	0,5
		<i>đ. Diễn đạt</i> <i>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn</i>	0,25
		<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
	2	Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày ý kiến của anh/ chị về việc sống có kỉ luật.	4,0

	<p>a. <i>Xác định được yêu cầu của kiểu bài</i> Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội</p>	0,25
	<p>b. <i>Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i></p>	0,5
	<p>c. <i>Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết</i> - Xác định được các ý chính của bài viết - Sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: * Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề. * Triển khai vấn đề nghị luận: 1. Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm cá nhân về vấn đề: – Có nhiều câu danh ngôn hay khuyên ta hãy sống tích cực. Hãy sống như lửa cháy là một trong những câu danh ngôn đó. – Đây là một câu danh ngôn có nhiều ý nghĩa. 2. Triển khai vấn đề nghị luận: 2.1. Giải thích: – Lửa là hình ảnh của ánh sáng, cho sức nóng. – Sống như lửa cháy là sống một cách đầy nhiệt huyết, sống một cách凛冽, rạng rỡ huy hoàng. => Khuyên con người hãy sống hết mình, sống một cuộc sống đầy ý nghĩa. 2.2. Bàn luận về tính đúng đắn của ý kiến: Ý kiến trên là đúng đắn, bởi lẽ: – Con người ta chỉ sống có một lần, cho nên cần sống thật say mê, thật hết mình, để làm cho bản thân hạnh phúc và cống hiến hết sức cho xã hội. Có như vậy ta mới không uổng kiếp làm người. – Sống nhiệt huyết, hết mình sẽ giúp khơi dậy những khả năng vốn ngủ say trong ta, giúp ta trở thành một con người ưu tú. – Sống nhiệt huyết, hết mình sẽ giúp truyền cảm hứng cho những người khác, khiến họ cũng trở nên yêu cuộc đời hơn. – Nếu mỗi người đều biết cách tỏa sáng, sống hết mình thì xã hội sẽ phát triển, tiến bộ nhanh chóng. 2.3. Phê phán những biểu hiện sai lệch: – Cần phê phán những con người sống lay lắt, sống chỉ để qua ngày đoạ tháng. – Cần phê phán những con người sống liêu lĩnh, bất chấp. 3. Rút ra bài học cho bản thân: – Cần hình thành cho mình một lối sống nhiệt huyết, luôn khát khao vươn lên, khát khao cống hiến. – Cần tránh xa lối sống bị động, sống leo lét, sống không mục đích. * Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân</p>	1,0
	<p>d. <i>Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng. Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	
	<p>đ. <i>Diễn đạt</i> <i>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.</i></p>	0,25
	<p>e. <i>Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	
Tổng điểm		10,0

----- HẾT -----